

PHẬT THUYẾT A XÀ THỂ VƯƠNG NỮ A THUẬT ĐẠT BỒ TÁT KINH

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 337

Hán dịch: Trúc Pháp hộ
Phiên âm & lược dịch điện tử: Nguyễn Tấn & Nguyễn Hiến
Việt dịch: Thích Nữ Chơn Tịnh (04-2007)
Biên tập : Thích Phước Nghiêm



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 337 《佛說阿闍菴王女阿術達菩薩經》

【Kinh văn tu bản】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 337 《Phật thuyết a xà thế Vương nữ A thuật đạt Bồ Tát Kinh》

【Kinh văn tu bản】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 337 《Phật nói đồng lớn nhân đồ 闍闍 công thành vay vua nữ A thuật đạt Bồ Tát Kinh》

【版本記錄】CBETA 電子佛典 V1.10 (UTF-8) 普及版, 完成日期: 2004/11/14

【bản bản kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) phổ cập bản, hoàn thành nhật kỳ: 2004/11/14

【bản gốc kí lục】CBETA điện tử Phật Điển V1.10 (UTF-8) khắp cùng bản, hoàn thành ngày: 2004/11/14

【編輯說明】本資料庫由中華電子佛典協會 (CBETA) 依大正新脩大藏經所編輯

【biên tập thuyết minh】bản tu liệu khổ do Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) y Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh sở biên tập

【biên tập thuyết minh】gốc tu liệu kho bởi Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội (CBETA) nương Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh biên tập

【原始資料】蕭鎮國大德提供, 維習安大德提供之高麗藏 CD 經文, 北美某大德提供

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại Đức đề cung

【nguyên thủy tu liệu】Tiêu-Trần-Quốc Đại-Đức đề cung, Duy-Tập-An Đại-Đức đề cung chi cao lệ tạng CD Kinh văn, Bắc-Mỹ-Mỗ Đại-Đức đề cung

【其它事項】本資料庫可自由免費流通, 詳細內容請參閱【中華電子佛典協會資料庫基本介紹】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】bản tu liệu khổ khả tự do miễn phí lưu thông, tương tế nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu khổ cơ bản giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

【kỳ tha sự hạng】gốc tu liệu kho có thể tự do miễn phí lưu thông, rõ ràng nội dung thỉnh tham duyệt 【Trung Hoa điện tử Phật Điển hiệp hội tu liệu kho nền nhà gốc giới thiệu】(<http://www.cbeta.org/result/cbintr.htm>)

=====

=====

=====

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 337 佛說阿闍賈王女阿術達菩薩經
Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 337 Phật thuyết a xà thể Vương nữ A thuật đạt Bồ Tát Kinh
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14
CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.10 (UTF-8) Normalized Version, Release Date: 2004/11/14

Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)
Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)
Distributor: Chinese Buddhist Electronic Text Association (CBETA)

Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as provided by Anonymous, USA
Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as provided by Anonymous, USA
Source material obtained from: Text as provided by Mr. Hsiao Chen-Kuo, Tripitaka Koreana as provided by Mr. Christian Wittern, Text as provided by Anonymous, USA

Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm
Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm
Distributed free of charge. For details please read at http://www.cbeta.org/result/cbintr_e.htm

=====
=====
=====

*Thích Nữ Chơn Tịnh hiệu đính
Vol 12 No. 337 [No. 310 (32)]*

佛說阿闍賈王女阿術達菩薩經

Phật thuyết a xà thể Vương nữ A thuật đạt Bồ Tát Kinh
Phật Thuyết A-xà-thể Vương Nữ A-thuật-đạt Bồ-tát Kinh.

西晉月氏國三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị quốc Tam Tạng trúc Pháp hộ dịch
Đời Tây Tấn, nước Nguyệt Thị, Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

聞如是。一時佛在羅閱祇耆闍崛山中

văn như thị. nhất thời Phật tại la duyệt kì Kì đồ Quạt sơn trung.
Tôi nghe như vậy, một thờ đức Phật ở trong núi Kỳ-xà-quạt thuộc nước La-duyệt-kỳ,

與摩訶比丘僧五百人。菩薩八千。一一尊復尊。

dữ Ma-Ha bì khâu tăng ngũ bách nhân. Bồ Tát bát thiên. nhất nhất tôn phục tôn.
cùng với năm trăm vị Tỳ-kheo Tăng, tám ngàn vị Bồ-tát là những bậc cao quý,

悉得陀憐尼法。在所聞知。

tất đặc đà liên ni Pháp. tại sở văn tri.
tất cả đều đặc pháp Đà-la-ni, chỗ hiểu biết

如大海無所罣礙。悉得五旬深入微妙漚和拘舍羅。

như Đại hải vô sở quái ngại. tất đặc ngũ tuần thâm nhập vi diệu ầu hòa câu xá la
rộng như biển lớn không có chướng ngại, trong năm tuần đều thâm nhập phương tiện
thắng trí vi diệu,

總持空法藏門。不捨志意行無色想。

tổng trì không Pháp tạng môn. bất xả chí ý hạnh vô sắc tưởng.
pháp môn tổng trì, không bỏ ý chí mà thực hạnh vô sắc tưởng,

從法行無所歸依。亦不造行。說經法無所著。

tòng Pháp hạnh vô sở quy y. diệc bất tạo hạnh. thuyết Kinh Pháp vô sở trú.
từ nơi pháp hạnh không chỗ nương dựa, cũng không tạo tác, thuyết kinh pháp không
chỗ đắm trước,

為一切故自觀本法。以得忍凡行十事。

vi nhất thiết cố tự quán bốn Pháp. dĩ đặc nhẫn phạm hạnh thập sự.
vì tất cả pháp nên tự quán sát pháp căn bản, do đặc pháp nhẫn nên thực hạnh mười
việc.

是時有菩薩名須彌山。

thị thời hữu Bồ Tát danh Tu-Di sơn.
Bấy giờ có Bồ-tát tên là Tu-di sơn,

復有菩薩名大須彌山。復有菩薩名須彌山頂。復有菩薩名師子。

phục hữu Bồ Tát danh Đại-Tu-Di sơn. phục hữu Bồ Tát danh Tu-Di sơn đỉnh. phục
hữu Bồ Tát danh Sư-tử.

Lại có Bồ-tát tên là Đại Tu-di sơn, lại có Bồ-tát tên là Tu-di sơn đỉnh, lại có
Bồ-tát tên là Sư tử,

復有菩薩名和呵末。復有菩薩名常舉手。

phục hữu Bồ Tát danh hòa ha vị. phục hữu Bồ Tát danh thường cử thủ.
lại có Bồ-tát tên là Hòa ha vị, lại có Bồ-tát tên là Thường cử thủ,

復有菩薩名常下手。復有菩薩名常精進行。

phục hữu Bồ Tát danh thường hạ thủ. phục hữu Bồ Tát danh thường tinh tiến hạnh.
lại có Bồ-tát tên là Thường hạ thủ, lại có Bồ-tát tên là Thường tinh tấn hạnh,

復有菩薩名常歡喜。

phục hữu Bồ Tát danh thường hoan hỷ.
lại có Bồ-tát tên là Thường hoan hỷ,

復有菩薩名常憂念一切人。復有菩薩名珍寶念。

Phục hữu Bồ Tát danh thường ưu niệm nhất thiết nhân. phục hữu Bồ Tát danh trân
bảo niệm.
lại có Bồ-tát tên là Thường ưu niệm nhất thiết nhân, lại có Bồ-tát tên là Trân
bảo niệm,

復有菩薩名珍寶手。復有菩薩名寶印手。復有菩薩名執御。

phục hữu Bồ Tát danh trân bảo thủ. phục hữu Bồ Tát danh bảo ấn thủ. phục hữu Bồ
Tát danh chấp ngự.

lại có Bồ-tát tên là Trân bảo thủ, lại có Bồ-tát tên là Bảo ấn thủ, lại có Bồ-
tát tên là Chấp ngự,

復有菩薩名大御。復有菩薩名常持至誠。

phục hữu Bồ Tát danh Đại ngự, phục hữu Bồ Tát danh thường trì chí thành,
lại có Bồ-tát tên là Đại ngự, lại có Bồ-tát tên là Thường trì chí thành,
復有菩薩名彌勒。如是等十七人。

phục hữu Bồ Tát danh Di Lặc, như thị đẳng thập thất nhân,
lại có Bồ-tát tên là Di-lặc, như vậy tất cả là mười bảy vị.

颯陀和等八人。皆如颯陀和類。

bạt đà hòa đẳng bát nhân, giai như bạt đà hòa loại,
Lại có tám vị đều như Bồ-tát Bạt-đà-hòa,

颯陀和菩薩。寶滿菩薩。福日兜菩薩。

bạt đà hòa Bồ Tát, bảo mãn Bồ Tát, phúc nhật đầu Bồ Tát,
đó là Bồ-tát Bạt-đà-hòa, Bồ-tát Bảo mãn, Bồ-tát Phước nhật đầu,

因提達菩薩。和倫調菩薩。常念菩薩。

nhân đề đạt Bồ Tát, hòa luân điều Bồ Tát, thường niệm Bồ Tát,
Bồ-tát Nhân-đề-đạt, Bồ-tát Hòa luân điều, Bồ-tát Thường niệm,

念益於世間菩薩。增益世間功德菩薩。如是等八人。

niệm ích u thế gian Bồ Tát, tăng ích thế gian công đức Bồ Tát, như thị đẳng bát
nhân,

Bồ-tát Niệm ích u thế gian, Bồ-tát Tăng ích thế gian công đức, như vậy có tám vị
cả thầy.

爾時佛與八千菩薩俱。在羅閱祇去城不遠。

nhĩ thời Phật dữ bát thiên Bồ Tát câu, tại la duyệt kì khú thành bất viễn,
Bấy giờ Phật cùng tám vạn Bồ-tát vân tập gần thành La-duyệt-kỳ,

為國王大臣。所敬偶所遵奉所稱譽。

vì Quốc Vương Đại Thần, sở kính ngẫu sở tuân phụng sở xưng dự,
được các vua quan cung kính, phụng sự, khen ngợi,

視若如父婆羅門迦羅越所尊重。

thị nhược như phụ Bà-la-môn ca la việt sở tôn trọng,
như tộc họ Bà-la-môn tôn trọng cha mình.

爾時佛於無央數大眾中說經法。所說上語亦善。中語亦善。

nhĩ thời Phật u vô ương số Đại chúng trung thuyết Kinh Pháp, sở thuyết thượng
ngữ diệc thiện, trung ngữ diệc thiện,

Bấy giờ đức Phật ở nơi Vô ương số đại chúng mà thuyết kinh pháp, chỗ thuyết
chặng đầu cũng thiện, chặng giữa cũng thiện,

下語亦善。所說莫不開發。上中下皆曉了。

Hạ ngữ diệc thiện, sở thuyết mạc bất khai phát, thượng trung hạ giai hiểu liễu,
chặng sau cũng thiện, chỗ thuyết giảng đều rõ ràng khiến ai cũng nghe hiểu

悉具足無沾污。

tất cụ túc vô triêm 汚。

được đầy đủ không có ô nhiễm,

精進無量於時舍利弗摩訶目犍連。摩訶迦葉。須菩提。那由。羅云。蠡越。

tinh tấn vô lượng u thời Xá lợi Phát Ma-Ha mục kiên liên, Ma-ha Ca-diếp, Tu Bồ
đề, bản nậu, la vân, lễ việt.

phát tâm tinh tấn vô lượng. Bấy giờ có ngài Xá-lợi-phát, Ma-ha-mục-kiên-liên, Ma-
ha Ca-diếp, Tu-bồ-đề, Bản-Nậu, La-hầu-la, Lễ-việt

安波臬。憂波離。阿難。

an ba du, ưu ba ly, A Nan.
An-ba-du, Ưu-ba-ly, A-nan

如是復異方不可計是輩。大比丘僧不可計。平旦正衣服持鉢。

như thị phục dị phương bất khả kế thị bối. Đại bi khâu tăng bất khả kế. bình đán chánh y phục trì bát.
cùng với các đại Tỳ-kheo Tăng ở phương khác không thể tính đếm, tất cả đều đắp y cầm bát nghiêm trang,

入羅闍大城分衛。

nhập la duyệt Đại thành phân vệ.
rồi từ từ đi vào thành La-duyệt-kỳ.

是尊比丘詣城中順街里行分衛。次至王阿闍賈宮。

thị tôn bi khâu nghê thành trung thuận nhai lý hạnh phân vệ. thứ chí Vương a xà thế cung.

Các vị tôn giả này xếp hàng đi vào thành theo ngã tư rồi dẫn đến cung vua A-xà-thế,

宮人官屬俱一處默然從乞勾。是時王阿闍賈有女。

cung nhân quan chúc câu nhất xử mặc nhiên tòng khát cái. thị thời Vương a xà thế hữu nữ.

đi qua các nơi họ đều im lặng mà khát thực. Bấy giờ vua A-xà-thế có người con gái

名阿術達(漢言無愁憂)。年十二端正好潔。光色第一於前世。

danh A thuật đạt (hán ngôn vô sầu ưu). niên thập nhị đoan chánh hảo khiết quang sắc đệ nhất ưu tiên thế.

tên là A-thuật-đạt (tiếng Hán là Vô Sầu Ưu), mới mười hai tuổi mà có dung mạo đoan trang, sắc mặt sáng ngời hơn tất cả mọi người.

佛所作功德有神猛之行。供養無央數佛。

Phật sở tác công đức hữu Thần mãnh chi hạnh. cung dưỡng vô ương số Phật.

Đời quá khứ đã ở nơi Phật làm các công đức, có hạnh đồng mãnh, đã cúng dường vô số Phật ,

於阿耨多羅三耶三菩心。

ư a nậu đa-la tam da tam bồ tâm.

không thối chuyển tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

不轉於父王正殿金床上坐。安無愁憂見此尊比丘。

bất chuyển ư phụ Vương chánh điện kim sàng thượng tọa. an vô sầu ưu kiến thử tôn bi khâu.

A-thuật-đạt ngồi trên giường vàng nơi chánh điện của vua Cha, nhìn thấy các vị Tỳ-kheo này,

不轉於父王正殿。今來於坐不起不迎不為作禮。

bất chuyển ư phụ Vương chánh điện. kim lai ư tọa bất khởi bất nghênh bất vi tác lễ.

nhưng không rời khỏi chánh điện, cũng không đứng dậy, không đón tiếp, không làm lễ họ,

亦不請令坐。亦不與分衛具。諸尊比丘。

diệc bất thỉnh lệnh tọa. diệc bất dữ phân vệ cụ. chu tôn bi khâu.
cũng không mời ngồi. Các vị Tỳ-kheo tôn túc,

亦默然觀此女。是王阿闍菟見女無愁憂。

diệc mặc nhiên quán thử nữ. thị Vương a xà thế kiến nữ vô sầu ưu.
cũng im lặng quán sát người nữ này. Vua A-xà-thế thấy con gái Vô Sầu Ưu

不恭敬禮是尊比丘。王顧謂女。汝不知耶。

bất cung kính lễ thị tôn bi khâu. Vương cố vị nữ. nữ bất tri da.
không cung kính đánh lễ các Tỳ-kheo tôn túc, Vua nhìn con gái nói rằng: Con không biết chăng?

是怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛尊比丘。

thị đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật tôn bi khâu.
Các vị này là bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri,

以得阿羅漢無所復畏。所作事勝。以棄重擔。

dĩ đắc A La Hán vô sở phục úy. sở tác sự thắng. dĩ khí trọng đư.
đã đắc quả A-la-hán nên không có sợ hãi, việc làm thù thắng, đã bỏ gánh nặng xuống,

生死以斷深入微妙。其供養是者福不可量。

sinh tử dĩ đoạn thâm nhập vi diệu. kỳ cung dưỡng thị giả phúc bất khả lượng.
đoạn sạch sinh tử, thâm nhập pháp vi diệu, ai cúng dường các vị ấy thì phước đức không thể lường.

為師為父慈念興福施於一切。汝見何故。

vi sư vi phụ từ niệm hưng phúc thí u nhất thiết. nữ kiến hà cố.
Các vị ấy là bậc thầy, là cha lành, luôn thương xót và ban phước cho chúng sanh.
Tại sao con thấy họ

於坐不起默而視之。汝有何異利不禮此上尊女無愁憂白言。

u tọa bất khởi mặc nhi thị chi. nữ hữu hà dị lợi bất lễ thử thượng tôn nữ vô sầu ưu bạch ngôn.
mà vẫn ngồi không đứng dậy, chỉ im lặng ngắm nhìn, con có lợi ích gì khác mà không đánh lễ các vị tôn túc này. Vô Sầu Ưu thưa:

王曾見師子。

Wương tăng kiến Sư-tử.
Phụ vương từng thấy con sư tử

當為小小禽獸作禮迎逆坐不。王答女言。不見。女復白。

đương vi tiểu tiểu cầm thú tác lễ nghênh nghịch tọa bất. Vương đáp nữ ngôn. bất kiến. nữ phục bạch.
làm lễ nghinh đón mời ngồi các loài thú nhỏ chưa? Vua đáp: Không thấy. Vô Sầu Ưu nói:

王曾聞遮迦越王當為小國王。起迎逆作禮共坐不。

Wương tăng văn giả ca việt Vương đương vi tiểu Quốc Vương. khởi nghênh nghịch tác lễ cộng tọa bất.
Phụ vương từng nghe vua Già-ca-việt làm lễ nghinh đón mời ngồi các vua nước nhỏ chưa?

釋提桓因寧為諸天。起迎逆作禮不。

thích đề hoàn nhân ninh vi chư Thiên. khởi nghênh nghịch tác lễ bất.
Từng nghe vua Đế-thích đứng dậy làm lễ nghinh đón các chư thiên chưa?

梵三鉢寧禮諸梵不。答言不見。女復白。

phạm tam bát ninh lễ chư phạm bất. đáp ngôn bất kiến. nữ phục bạch.

Tùng thấy Phạm-tam-bát làm lễ các vị nhỏ hơn chưa? Vua đáp: Không thấy. Vô Sầu Ưu nói:

王曾見大海神為小小陂池溝渠泉流作禮不。

Vương tăng kiến Đại hải Thần vi tiểu tiểu pha trì câu cừ tuyền lưu tác lễ bất. Phụ vương từng thấy thần Biển lớn làm lễ các thần Ao, Hồ, Sông, Suối chưa?

須彌山寧為眾小山作禮不。日月之光明與螢火之明等不。

Tu-Di sơn ninh vi chúng tiểu sơn tác lễ bất. nhật nguyệt chi quang-minh dữ huỳnh hỏa chi minh đẳng bất.

Tùng thấy núi Tu-di làm lễ các núi nhỏ chưa? Tùng thấy ánh sáng đom đóm ngang bằng ánh sáng mặt trời mặt trăng chưa?

女復言。如是大王發意。

nữ phục ngôn. như thị Đại Vương phát ý.

Vô Sầu Ưu lại nói: Như vậy Đại vương, người phát tâm

求阿耨多羅三耶三菩心。欲度一切。被僧那僧涅之大鎧。

cầu a nậu đa-la tam da tam bồ tâm. dục độ nhất thiết. bị tăng na tăng niết chi Đại khải.

cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, muốn độ tất cả chúng sanh, mặt áo giáp bốn thế nguyền lớn,

持大悲大哀。如師子吼。云何當為恐懼。

trì Đại bi Đại ai. như Sư-tử hồng. vân hà đương vi khủng úy.

cất tiếng Đại Từ Đại Bi như sư tử hồng, tại sao lại sợ hãi?

比丘而無大悲大慈大哀。離師子吼中。云何當禮信歡喜。

bì khâu nhi vô Đại bi Đại từ Đại ai. ly Sư-tử hồng trung. vân hà đương lễ tín hoan hỷ.

Các Tỳ-kheo không có đại từ đại bi, không có tiếng rống sư tử, tại sao lại đành lễ tín thọ hoan hỷ.?

王曾見大法王轉經論教一切。

Vương tăng kiến Đại Pháp Vương chuyển Kinh luận giáo nhất thiết.

Phụ vương từng thấy bậc Đại-pháp-vương đem kinh luận giáo hoá tất cả

令發阿耨多羅三耶三菩心。

lệnh phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm.

Khiến phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

當為是比丘少智者恭敬作禮不。女白王。

đương vi thị bì khâu thiếu trí giả cung kính tác lễ bất. nữ bạch Vương.

lại cung kính làm lễ các Tỳ-kheo trí nhỏ này chưa?

如大海水不可量不可度不可見邊際。大智若此。猶復受泉流如牛跡中水。

như Đại hải thủy bất khả lượng bất khả độ bất khả kiến biên tế. Đại trí nhược thử. do phục thọ tuyền lưu như ngưu tích trung thủy.

Như nước trong biển lớn không thể so lường, không thể thấy bờ mé, trí tuệ lớn cũng như vậy. Cũng như uống nước suối, uống nước nơi đầu chân trâu,

自謂以滿足。寧可方之於大海。

tự vị dĩ mãn túc. ninh khả phương chi ư Đại hải.

tự cho rằng đã đầy đủ, đâu cần đến nơi biển lớn.

是畏生死比丘。志在滅度。發阿耨多羅三藐三菩心。

thị úy sanh tử bì khâu. chí tại diệt độ. phát a nậu đa-la tam miểu tam bồ tâm.

Tỳ-kheo này vì nhàm chán sanh tử, chỉ cầu diệt độ mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

寧當迎逆作禮不。王曾見大智。如須彌山最尊高。

ninh đương nghênh nghịch tác lễ bất. Vương tăng kiến Đại trí. như Tu-Di sơn tối tôn cao.

đâu cần nghinh đón làm lễ? Vua từng thấy trí tuệ lớn như núi Tu-di cao ngất,

但薩阿竭法為尊雄。

đát tát a kiệt Pháp vi tôn hùng.

pháp là pháp của Như Lai được tất cả tôn sùng,

豈況智如芥子比丘迎逆作禮不。王寧見日月光。

khởi hướng trí như giới tử bi khâu nghênh nghịch tác lễ bất. Vương ninh kiến nhật nguyệt quang.

lại đi nghinh đón làm lễ Tỳ-kheo trí nhỏ như hạt cải sao? Vua từng thấy ánh sáng mặt trời mặt trăng

其明所照不可計量。但薩阿竭法光明智慧功德名聞。

kỳ minh sở chiếu bất khả kế lượng. đát tát a kiệt Pháp quang-minh trí tuệ công đức Danh-Văn.

chiếu khắp nơi không thể tính đến, Như Lai có ánh sáng trí tuệ công đức Danh-văn

過是千億萬倍。寧比螢火之明自照其身。

quá thị thiên ức vạn bội. ninh bi huỳnh hỏa chi minh tự chiếu kỳ thân.

hơn đây gấp ngàn vạn ức lần. So với ánh sáng đom đóm tự chiếu nơi thân

不及一切人。志小比丘自度其身。大智之法明於三界。

bất cập nhất thiết nhân. chí tiểu bi khâu tự độ kỳ thân. Đại trí chi Pháp minh u tam giới.

không chiếu đến người khác, cũng như Tỳ-kheo trí nhỏ tự độ thân mình, pháp của bậc đại trí chiếu sáng khắp ba cõi

寧迎逆作禮。女白王。佛般泥洹後。

ninh nghênh nghịch tác lễ. nữ bạch Vương. Phật bát nê hoàn hậu.

sao lại nghinh đón làm lễ Tỳ-kheo trí nhỏ. Vô Sầu Ưu lại thưa: sau khi Phật Niết-bàn,

尚不為是輩比丘作禮。何況佛今現在而為法則。

thượng bất vi thị bối bi khâu tác lễ. hà hướng Phật kim hiện tại nhi vi Pháp tác.

còn không làm lễ các hạng Tỳ-kheo này, hướng là nay Phật còn tại thế mà làm phép tác.

所以者何。禮彼比丘為習此法。

sở dĩ giả hà. lễ bi bi khâu vi tập thử Pháp.

Tại vì sao? Đánh lễ các Tỳ-kheo ấy làm gì là huân tập pháp này,

其親近三耶三佛法。得三耶三菩行。王告女無愁憂。

kỳ thân cận tam da tam Phật Pháp. đắc tam da tam bồ hạnh. Vương cáo nữ vô sầu ưu.

là gần gũi pháp của Như Lai, được hạnh Bồ-đề. Phật bảo Vô Sầu Ưu:

汝有觶突之心。見是大比丘。

nhữ hữu đề đột chi tâm. kiến thị Đại bi khâu.

Sao con có tâm đờng đột, thấy các đại Tỳ-kheo này

不恭敬迎逆以坐席為賓主。而廣引眾喻不念設飯食。

bất cung kính nghênh nghịch dĩ tọa tịch vi tân chủ. nhi quảng dẫn chúng dụ bất niệm thiết phạn thực.

mà không cung kính nghinh đón đem tòa mời ngồi, lại rộng dẫn các ví dụ, không chịu sắp bày thức ăn cúng dường.

汝何志求。女白王。大王寧有觥突之心耶。

nhữ hà chí cầu. nữ bạch Vương. Đại Vương ninh hữu để đột chi tâm da.

Con có ý thế nào. Vô Sầu Ưu thưa: Đại vương há không có tâm đường đột sao?

女謂王言。

nữ vị Vương ngôn.

Lại thưa vua rằng:

王何故見國中羸劣下賤乞匄者不為作禮。王答女言不。爾此非吾類。

Vương hà cố kiến quốc trung luy liệt hạ tiện khát cái giả bất vi tác lễ. Vương đáp nữ ngôn bất. nhĩ thử phi ngô loại.

Tại sao đại vương thấy người thấp hèn trong nước hay kẻ bần cùng xin ăn lại không làm lễ họ? Vua đáp: Hạng này chẳng ngang hàng với Ta.

女答王亦如是。王發意菩薩聲聞辟支佛非其類。王告女。

nữ đáp Vương diệc như thị. Vương phát ý Bồ Tát thanh văn Bích chi Phật phi kỳ loại. Vương cáo nữ.

Vô Sầu Ưu đáp: Bậc pháp vương cũng như vậy, chỗ phát tâm chẳng ngang hàng với Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-Phật. Vua hỏi:

吾聞行菩薩法。悉棄強梁瞋恚之心。

ngô văn hạnh Bồ Tát Pháp. tất khí cường lương sân khuê chi tâm.

Ta nghe người thực hạnh hạnh Bồ-tát đều xả bỏ tâm mong cầu sân hận,

以調順軟弱為一切人下屈。汝豈無軟弱之心。

dĩ điều thuận nhuuyễn nhược vi nhất thiết nhân hạ khuất. nữ khởi vô nhuuyễn nhược chi tâm.

dùng tâm mềm mỏng để điều phục tất cả chúng sanh, há người không có tâm mềm mỏng sao?

女白王言。世間人愚癡。常懷毒惡之心故。

nữ bạch Vương ngôn. thế gian nhân ngu si. thường hoài độc ác chi tâm cố.

Vô Sầu Ưu thưa: Người trên thế gian ngu si thường ôm tâm ác độc.

菩薩摩訶薩以慈悲。護彼人欲除眾毒故。

Bồ Tát Ma-Ha tát dĩ từ bi. hộ bi nhân dục trừ chúng độc cố.

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng tâm từ bi ủng hộ người kia khiến trừ các ác độc.

此大比丘諸垢以除。是輩比丘。見善無所增。

thử Đại bi khâu chư cấu dĩ trừ. thị bối bi khâu. kiến thiện vô sở tăng.

Các vị đại Tỳ-kheo này đã trừ hết cấu uế, hạng Tỳ-kheo này thấy điều thiện cũng không có chỗ tăng,

見惡亦不減。女白王。當來十方佛。

kiến ác diệc bất giảm. nữ bạch Vương. đương lai thập phương Phật.

thấy điều ác cũng không có chỗ giảm. Đại vương! Mười phương chư Phật trong ở đời sau

設為是比丘等。說深妙之法。不能復增精進。

thiết vi thị bi khâu đẳng. thuyết thâm diệu chi Pháp. bất năng phục tăng tinh tấn.

sẽ vì các Tỳ-kheo này mà thuyết Pháp vi diệu thâm sâu, mà họ không thể tăng thêm tinh tấn.

所以者何。用閉塞生死道故。譬以瓶盛滿水置露地。

sở dĩ giả hà. dụng bế tắc sanh tử đạo cố. thí dĩ bình thịnh mãn thủy trí lộ địa. Tại vì sao? Bởi họ đã đóng kín đường sanh tử. Thí như bình đựng đầy nước để nơi đất trống.

天雨瓶中一滯不受。滯亦不得入。所以者何。

Thiên vũ bình trung nhất để bất thọ. để diệc bất đắc nhập. sở dĩ giả hà. Trời mưa xuống thì bình không nhận dù một giọt nước, giọt nước cũng không thể rơi vào. Tại vì sao?

其瓶以滿故。女白王。是比丘等如是。

kỳ bình dĩ mãn cố. nữ bạch Vương. thị bi khâu đẳng như thị. Vì bình đã đầy nước vậy. Đại vương! Các Tỳ-kheo này cũng như vậy, 若十方佛為現神足。變化說經法。

nhược thập phương Phật vi hiện Thần túc. biến hoá thuyết Kinh Pháp. nếu mười phương Phật vì họ mà hiện thần túc, biến hóa các thứ mà thuyết kinh pháp,

不能逮及如來三昧。於功德無所增益。女白王。

bất năng逮 cập Như Lai tam-muội. ư công đức vô sở tăng ích. nữ bạch Vương. thì họ không thể đến quả Như Lai tam-muội, đối với công đức cũng không tăng thêm. Đại vương!

譬如大海萬水四流皆歸于海。所以者何。

thí như Đại hải vạn thủy tứ lưu giai quy vu hải. sở dĩ giả hà. Thí như biển lớn nước muôn sông đều đổ về. Tại vì sao?

其海廣長所受不可計量。如是大王。

kỳ hải quảng trường sở thọ bất khả kế lượng. như thị Đại Vương. Biển ấy rộng lớn chỗ chứa không thể so lường. Như vậy Đại vương!

菩薩摩訶薩說經法。當作是見多所饒益。發摩訶衍心。

Bồ Tát Ma-Ha tát thuyết Kinh Pháp. đương tác thị kiến đa sở nhiều ích. phát Ma-Ha diển tâm. Bồ Tát Ma-Ha-Tát thuyết kinh pháp, chỗ thấy nghe có nhiều lợi ích, phát tâm đại thừa,

多所容受。所以者何。菩薩摩訶薩器所受。

đa sở dung thọ. sở dĩ giả hà. Bồ Tát Ma-Ha tát khí sở thọ. có nhiều chỗ lãnh thọ. Tại vì sao? Chỗ thọ nhận của Bồ-tát Ma-ha-tát

不可計不可數不可量。是時女無愁憂。

bất khả kế bất khả số bất khả lượng. thị thời nữ vô sầu ưu. là không thể đếm, không thể so lường. Bây giờ Vô Sầu Ưu

為王阿闍菟說偈言。

vi Vương a xà thế thuyết kệ ngôn. nói với vua A-xà-thế bằng bài kệ rằng:

無愁憂以名得

Vô sầu ưu dĩ danh đắc
Người nữ có tên Vô Sầu Ưu

有五百比丘來

Hữu ngũ bách bi khâu lai

為王阿闍菟女

Vi Vương a xà thế nữ
Là con gái vua A-xà-thế

我不為起作禮

Ngã bất vi khởi tác lễ

Có năm trăm Tỳ-kheo đến cung
應時為王所呵
úng thời vì Vương sờ ha
Bấy giờ vua cha liền quở trách
我不知是福地
Ngã bất tri thị phúc địa
Ta không biết đó là phúc địa
言
Vô ưu sầu tụng kệ ngôn
Vô Sầu Ưu bèn tụng bài kệ
見比丘不為起
Kiến bi khâu bất vi khởi
Thấy Tỳ-kheo mà không đứng dậy
人欲乘船入海
Nhân dục thừa thuyền nhập hải
Nhu người theo thuyền vào biển lớn
百分中取一分
Bách phân trung thủ nhất phân
Trong trăm phần lại lấy một phần
若有人從王乞
Nhuộc hữu nhân tòng Vương khát
Nếu có người đến vua xin ăn
乞食者求一錢
Khất cái giả cầu nhất tiền
Người ăn xin cầu xin một tiền
智慧者令王喜
Trí tuệ giả lệnh Vương hỉ
Người trí tuệ khiến vua hoan hỷ
願施貧使安隱
Nguyện thí bản sử an ổn
Rồi đem bố thí cho người nghèo
譬如人求賤賣
Thí như nhân cầu tiện bảo
Nhu người xin vật báu rẻ tiền
聲聞法亦如是
Thanh văn Pháp diệc như thị
Pháp Thanh văn cũng là như vậy
譬如人財為富
Thí như nhân tài vi phú
Thí như người giàu nhiều tiền của
願供養於法王
Nguyện cung dưỡng ư Pháp Vương
Nguyện cúng dường nơi đấng Pháp-vương
譬如醫自治身
Thí như y tự trì thân
Nhu thầy thuốc tự chữa cho mình
若有醫多治人
Nhuộc hữu y đa trì nhân

Sâu-ưu không đứng dậy làm lễ
不恭敬比丘僧
Bất cung kính bi khâu tăng
Vì không cung kính Tỳ-kheo tăng
佛子離彼中迹
Phật-Tử ly bi trung tích
Phật tử xa rời dấu vết đó 無憂愁誦偈
聽我說至誠言
Thính ngã thuyết chí thành ngôn
Đề bày tỏ lời nói chí thành
意不生欲作禮
Ý bất sanh dục tác lễ
Ý không khởi là muốn làm lễ
取一錢破百分
Thủ nhất tiền phá bách phân
Lấy một tiền phá thành trăm phần
入法海還為取
Nhập Pháp hải hoàn vi thủ
Vào biển pháp cũng lấy chút ít
若飛行遮迦越
Nhuộc phi hạnh già ca việt
Đi đến nơi vua Già-ca-việt
為不足從王乞
Vi bất túc tòng Vương khát
Cho là không đủ theo vua xin
從王乞千億寶
Tòng Vương khát thiên ức bảo
Theo vua xin ngàn ức vật báu
如是人為曉了
Nhu thị nhân vi hiểu liễu
Người như vậy chính là hiểu rõ
如是人為不點
Nhu thị nhân vi bất hiệt
Người như vậy là không hiểu rõ
入海寶自取少
Nhập hải bảo tự thủ thiểu
Vào biển báu tự lấy chút ít
菩薩點為珍寶
Bồ Tát hiệt vi trân bảo
Gặp Bồ-tát cho là châu báu
自致佛度人民
Tự trí Phật độ nhân dân
Đến quả Phật độ thoát nhiều người
不能愈一切人
Bất năng dĩ nhất thiết nhân
Không chữa lành tất cả mọi người
是乃為名醫師
Thị nãi vi danh y sư

Nếu như trị bệnh được nhiều người

發意者智慧師

Phát ý giả trí tuệ sư
Người phát tâm có ít trí tuệ

為點人所不敬

Vì hiệt nhân sở bất kính
Người hiểu biết thì không kính trọng

若點師知藥名

Nhuộc hiệt sư tri dược danh
Như lương y biết rõ tên thuốc

為天下人所敬

Vì Thiên hạ nhân sở kính
Được mọi người luôn luôn kính mến

譬如樹無葉果

Thí như thụ vô diệp quả
Thí như cây không có hoa trái

阿羅漢如是樹

A La Hán như thị thụ
Quả A-la-hán cũng như cây

譬如樹栴檀香

Thí như thụ chiên đàn hương
Thí như cây tên Chiên-đàn hương

菩薩法亦如是

Bồ Tát Pháp diệc như thị
Pháp Bồ-tát cũng như cây ấy

不可以牛迹水

Bất khả dĩ ngưu tích thủy
Như ít nước nơi dấu chân trâu

恒水淨無數人

Hằng thủy tịnh vô số nhân
Nước sông Hằng làm sạch bao người

聲聞法牛迹水

Thanh văn Pháp ngưu tích thủy
Pháp Thanh văn nước chân trâu

菩薩法如恒水

Bồ Tát Pháp như hằng thủy
Pháp Bồ-tát như nước sông Hằng

譬如時雨珍寶

Thí như thời vũ trân bảo
Thí như trời mưa rơi châu báu

若有點益取多

Nhuộc hữu hiệt ích thủ đa
Nếu hiểu biết thì sẽ lấy nhiều

佛者譬雨珍寶

Phật giả thí vũ trân bảo
Đức Phật thí như trời mưa báu

菩薩採飽滿人

Bồ Tát thái bão mãn nhân

Thì gọi tên đó là danh y

自脫身棄餘人

Tự thoát thân khí dư nhân
Tự giải thoát mình không cứu

譬醫能自治身

Thí y năng tự trị thân
Như thầy thuốc chỉ trị bệnh mình

便能治巨億人

Tiện năng trị cự ức nhân
Có thể trị bệnh cho nhiều người

發意菩薩如是

Phát ý Bồ Tát như thị
Bồ-tát phát tâm cũng như vậy

無益於世間人

Vô ích ư thế gian nhân
Đối với mọi người là vô ích

為無益於世間

Vì vô ích ư thế gian
Vô ích đối với người thế gian

有益於一切人

Hữu ích ư nhất thiết nhân
Có ích với tất cả mọi người

以經法開甘露

Đĩ Kinh Pháp khai cam lộ
Dùng kinh pháp khai mở cam lồ

澡洗人除垢熱

Táo tẩy nhân trừ cầu nhiệt
Không rửa sạch dơ bẩn cho người

恒水流滿大海

Hằng thủy lưu mãn Đại hải
Rồi nước sông chảy vào biển lớn

不能除世間熱

Bất năng trừ thế gian nhiệt
Không thể trừ nóng bức cho người

能飽滿大千刹

Năng bão mãn Đại Thiên sát
Làm no đủ các cả đại thiên cõi

愚於寶取一錢

Ngũ ư bảo thủ nhất tiền
Người ngu chỉ lấy một đồng tiền

能使貧至大富

Năng sử bần chí Đại phú
Khiến bần cùng trở thành giàu sang

聲聞法取一錢

Thanh văn Pháp thủ nhất tiền
Pháp Thanh văn chỉ lấy một tiền

菩薩施廣如此

Bồ Tát thí quảng như thử

Bồ-tát hay khiến người đầy đủ
如有人近須彌
Nhu hữu nhân cận Tu-Di
Nhu người đứng gần núi Tu-di

若其餘土石山
Nhuộc kỳ du độ thạch sơn
Nếu người đứng ở trên núi đá

菩薩法須彌山
Bồ Tát Pháp Tu-Di sơn
Pháp Bồ-tát như núi Tu-di

得離生死苦惱
Đắc ly sanh tử khổ não
Được xa lìa sanh tử khổ não

暴露在草不多
Bạo lộ tại thảo bất đa
Nhu sương nằm trên cỏ không nhiều

大雨水潤澤多
Đại vũ thủy nhuận trạch đa
Nhu mưa lớn thấm ướt cỏ cây

聲聞法暴露草
Thanh văn Pháp bạo lộ thảo
Pháp Thanh văn như sương trên cỏ

大千中諸來者
Đại Thiên trung chư lai giả
Tất cả vật trong cõi đại thiên

迦隨華無有香
Ca tùy hoa vô hữu hương
Hoa Ca-tùy không có mùi thơm

私夷華人樂取
Tư di hoa nhân lạc thủ
Hoa Tư-di ai cũng ưa thích

聲聞法迦隨華
Thanh văn Pháp ca tùy hoa
Pháp Thanh văn như hoa Ca-tùy

菩薩法私夷華
Bồ Tát Pháp tư di hoa
Pháp Bồ-tát như hoa Tư-di

如怯人行空澤
Nhu khiếp nhân hạnh không trạch
Nhu người yếu đi nơi đồng trống

人中道為大難
Nhân trung đạo vi Đại nan
Trong cõi người đó là đại nạn

聲聞法行空澤
Thanh văn Pháp hạnh không trạch
Pháp Thanh văn như đi đầm trống

度生死迷亂者
Độ sanh tử mê loạn giả

Bồ thí rộng khắp được như vậy
皆隨山作金色
Giai tùy sơn tác kim sắc
Vì gần núi nên thân sắc vàng

不能以色變形
Bất năng dĩ sắc biến hình
Sắc trên thân không thể biến đổi

菩薩恩生天上
Bồ Tát ân sanh Thiên thượng
Thọ ân Bồ-tát sanh cõi trời

聲聞不能度人
Thanh văn bất năng độ nhân
Pháp Thanh văn không thể độ người

露不能熟五穀
Lộ bất năng thực ngũ cốc
Sương không thể làm chín ngũ cốc

從潤澤得豐熟
Tòng nhuận trạch đắc phong thực
Nhờ thấm ướt ngũ cốc tươi tốt

菩薩法如大雨
Bồ Tát Pháp như Đại vũ
Pháp Bồ-tát như trận mưa lớn

法所雨潤一切
pháp sở vũ nhuận nhất thiết
Nhờ mưa pháp thấm nhuận tất cả

為世人所不取
vi thế nhân sở bất thủ
Người thế gian không ai muốn lấy

優曇鉢及蓮華
ưu đàm bát cập liên hoa
Cùng hoa sen, hoa Ưu-đàm-bát

聞香聞不遠
thanh văn hương văn bất viễn
Mùi hương ấy không thể bay xa

度一切至泥洹
độ nhất thiết chí nê hoàn
Độ mọi người đến quả Niết-bàn

不足以為大難
bất túc dĩ vi Đại nan
Không cho đó là khó khăn lớn

將一切度生死
Tuớng nhất thiết độ sanh tử
Tất cả phải vượt qua sanh tử

菩薩法人道中
Bồ Tát Pháp nhân đạo trung
Pháp Bồ-tát là ở cõi người

導一切恐懼人
Đạo nhất thiết khủng úy nhân

Độ người mê loạn thoát sanh tử
縛筏浮度不多
Phược phiệt phù độ bất đa
Thuyền bè không thể chở nhiều người

譬如人造大船
Thí như nhân tạo Đại thuyền
Nếu như người làm chiếc thuyền lớn

聲聞法如縛筏
Thanh văn Pháp như phược phiệt
Pháp Thanh văn như thuyền bè nhỏ

持七覺度一切
Trì thất giác độ nhất thiết
Đạo Thất-giác-chi độ mọi người

若如被鎧乘驢
Nhược như bị khải thừa lư
Như người mặc áo giáp cưỡi lừa

被鎧人乘馬象
Bị khải nhân thừa mã tượng
Mặc áo giáp mà cưỡi voi ngựa

聲聞法如乘驢
Thanh văn Pháp như thừa lư
Pháp Thanh văn như người cưỡi lừa

坐樹下降魔官
Tọa thụ hạ hàng ma quan
Ngồi gốc cây hàng phục ma quân

虛空中滿星宿
Hư không trung mãn tinh tú
Trong hư không có nhiều vì sao

月獨出為大明
Nguyệt độc xuất vi Đại minh
Mặt trăng lên soi sáng khắp nơi

聲聞法如星宿
Thanh văn Pháp như tinh tú
Pháp Thanh văn như các vì sao

菩薩恩致安隱
Bồ Tát ân trí an ổn
Pháp Bồ-tát đưa đến an ổn

夜之冥螢火明
Đạ chi minh huỳnh hỏa minh
Ánh sáng đom đóm soi đêm tối

日出光為大明
Nhật xuất quang vi Đại minh
Mặt trời mọc chiếu sáng khắp nơi

聲聞法如螢火
Thanh văn Pháp như huỳnh hỏa
Pháp Thanh văn như lửa đom đóm

生死海行度人
Sanh tử hải hạnh độ nhân

Dẫn dắt tất cả người sợ hãi
筏不能度往還
Phiệt bất năng độ vãng hoàn
Bè không thể chở người qua lại

度無數得往還
Độ vô số đắc vãng hoàn
Chở vô số người đi qua lại

菩薩法如大船
Bồ Tát Pháp như Đại thuyền
Pháp Bồ-tát như chiếc thuyền lớn

脫愛欲過大海
Thoát ái dục quá Đại hải
Thoát ái dục vượt qua biển lớn

不可入大眾中
Bất khả nhập Đại chúng trung
Không thể xông pha nơi trận chiến

行鬪戰得勝怨
Hạnh đấu chiến đắc thắng oán
Cùng chiến đấu sẽ là đắc thắng

菩薩法乘馬象
Bồ Tát Pháp thừa mã tượng
Pháp Bồ-tát như cưỡi voi ngựa

救天上世間人
Cứu Thiên thượng thế gian nhân
Cứu muôn người cõi trời cõi người

星宿眾夜不明
Tinh tú chúng dạ bất minh
Nhưng đêm đến không thể chiếu sáng

男女見大歡喜
Nam nữ kiến Đại hoan hỉ
Mọi người thấy đều sanh vui mừng

菩薩法月獨明
Bồ Tát Pháp nguyệt độc minh
Pháp Bồ-tát như trăng soi sáng

皆令發薩云若
Giai lệnh phát tát vân nhược
Khiến phát tâm Nhất thiết chủng trí

人不以是為明
Nhân bất dĩ thị vi minh
Nhưng mọi người không thấy là sáng

有益於閻浮地
Hữu ích ư diêm phù địa
Có ích lớn với người thế gian

菩薩慧如日月
Bồ Tát duyên như nhật nguyệt
Pháp Bồ-tát như ánh mặt trời

悉現明一切人
Tất hiện minh nhất thiết nhân

Độ mọi người vượt qua sanh tử

Khiến tất cả người đều hiểu rõ.

爾時王阿闍菴聞女無愁憂說是偈默然。

nhĩ thời Vương a xà thế văn nữ vô sầu ưu thuyết thị kệ mặc nhiên.

Bấy giờ vua A-xà-thế nghe Vô Sầu Ưu nói bài kệ rồi thì im lặng

不識是何言。舍利弗心念。是語甚可怪。

bất thức thị hà ngôn. Xá lợi Phát tâm niệm, thị ngữ thậm k0hả quái.

không hiểu lời nói gì. Trong tâm Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Lời nói này thật là kỳ lạ

所說無罣礙點慧乃爾。我欲試之知能歡喜而忍不。

sở thuyết vô quái ngại hiệt tuệ nãi nhĩ, ngã dục thí chi tri năng hoan hỷ nhi
nhẫn bất.

Chỗ nói ra không chướng ngại mà lại sáng suốt, ta muốn thử xem để biết Vô Sầu Ưu
có hoan hỷ nhẫn nại không

舍利弗謂女無愁憂。卿於三乘志欲何求。

Xá lợi Phát vị nữ vô sầu ưu, khanh ư tam thừa chí dục hà cầu.

Xá-lợi-phất nói với Vô Sầu Ưu rằng: Đối với tam thừa thì người muốn cầu pháp
nào?

女報言。乘大悲大慈於所求。舍利弗報言。

nữ báo ngôn, thừa Đại bi Đại từ ư sở cầu, Xá lợi Phát báo ngôn.

Đáp: Chỗ cầu là pháp Đại từ Đại bi. Xá-lợi-phất hỏi:

欲求摩訶衍三跋致耶。女答言不。舍利弗復問。

dục cầu Ma-Ha diển tam bạt trí da, nữ đáp ngôn bất, Xá lợi Phát phục vấn.

Muốn cầu Tam-bạt-trí của Đại thừa chăng? Đáp: Không phải. Xá-lợi-phất hỏi

女行欲何求乃作師子吼。女答舍利弗。

nữ hạnh dục hà cầu nãi tác Sư-tử hồng, nữ đáp Xá lợi Phát.

Người muốn cầu gì mà thực hạnh hạnh Sư-tử hồng? Vô Sầu Ưu đáp:

於所求無所求。有所求則不為師子吼。

ư sở cầu vô sở cầu, hữu sở cầu tác bất vi Sư-tử hồng.

Đối với sự cầu không có chỗ cầu, có chỗ cầu thì không làm sư-tử hồng

無所住止能作師子吼。

vô sở trụ chỉ năng tác Sư-tử hồng.

Không có chỗ trụ nên có thể làm hạnh Sư-tử-hồng.

卿舍利弗以法取證寧有聲聞辟支佛法摩訶衍法不。舍利弗答言。

khanh Xá lợi Phát dĩ Pháp thủ chứng ninh hữu thanh văn Bích chi Phật Pháp Ma-Ha

diển Pháp bất, Xá lợi Phát đáp ngôn

Xá-lợi-phất, ông cho rằng pháp thủ chứng có pháp Thanh văn, Bích-chi-Phật hay
đại thừa không? Xá-lợi-phất đáp:

無諸法相一耳。空無所有。女問舍利弗。

vô chư Pháp tướng nhất nhĩ, không vô sở hữu, nữ vấn Xá lợi Phát.

Không có các pháp tướng, là trống không không có sở hữu. Vô Sầu Ưu hỏi:

諸法空作何行法而設三乘。舍利弗答女言。無所行。

chư Pháp không tác hà hạnh Pháp nhi thiết tam thừa, Xá lợi Phát đáp nữ ngôn, vô
sở hạnh.

Các pháp trống không vậy thực hạnh pháp nào mà bày ra Ba thừa? Xá-lợi-phất đáp:
Không có chỗ thực hạnh.

舍利弗復問女。有佛法無有佛法。有異無。

Xá lợi Phát phục vấn nữ, hữu Phật Pháp vô hữu Phật Pháp, hữu dị vô.
Xá-lợi-phất lại hỏi: Có Phật pháp và không có Phật pháp thì có gì khác không?

女答尊者舍利弗。近空及遠空有異無。

nữ đáp Tôn giả Xá lợi Phát, cận không cận viễn không hữu dị vô.
Vô Sâu Ưu nói: Tôn giả Xá-lợi-phất, gần hư không và xa hư không thì có gì khác nhau?

舍利弗答言。無異。女問舍利弗。

Xá lợi Phát đáp ngôn, vô dị, nữ vấn Xá lợi Phát,
Xá-lợi-phất đáp: Không khác. Vô Sâu Ưu hỏi:

譬內空外空有異無。答言無異。

thí nội không ngoại không hữu dị vô, đáp ngôn vô dị.
Bên trong hư không và bên ngoài hư không có gì khác nhau. Đáp rằng: Không khác
如是舍利弗得佛法未得道法。適等無異。

như thị Xá lợi Phát đắc Phật Pháp vị đắc đạo Pháp, thích đẳng vô dị.
Như vậy Xá-lợi-phất, đắc Phật pháp và chưa đắc đạo pháp là như nhau không có sai khác.

女為舍利弗種種說空空法。舍利弗默然。無異辯才折答此言。

nữ vì Xá lợi Phát chủng chủng thuyết không không Pháp, Xá lợi Phát mặc nhiên vô
dị biện tài chiết đáp thử ngôn.
Rồi Vô Sâu Ưu vì Xá-lợi-phất mà nói các thứ pháp không, Xá-lợi-phất im lặng không có biện tài gì để trả lời lại.

爾時尊者摩訶目犍連。謂女無愁憂。

nhĩ thời Tôn giả Ma-Ha mục kiên liên, vị nữ vô sầu ưu.
Bấy giờ Tôn giả Ma-ha-mục-kiên-liên hỏi Vô Sâu Ưu rằng:

見如來何異。要言聲聞辟支佛所不能及知。

kiến Như Lai hà dị, yếu ngôn thanh văn Bích chi Phật sở bất năng cập tri.
Thấy Như Lai có gì khác mà nói Thanh văn, Bích-chi-Phật không thể biết được

女報尊者目犍連。能知三千大千世界星宿數不。

nữ báo Tôn giả mục kiên liên, năng tri tam Thiên Đại Thiên thế giới tinh tú số
bất.

Vô Sâu Ưu Đáp: Ngài có thể biết có bao nhiêu vì sao trong ba ngàn đại thiên thế giới không?

目犍連報女言。我當禪定三昧觀本際。

mục kiên liên báo nữ ngôn, ngã đương Thiền định tam-muội quán bản tế.
Mục-kiên-liên đáp: Tôi sẽ nhập định Tam-muội để quán sát

女謂目犍連。但薩阿竭一一持三昧。

nữ vị mục kiên liên, đạt tát a kiết nhất nhất trì tam-muội.
Vô Sâu Ưu nói: Đức Như Lai mỗi mỗi đều nhập định Tam-muội,

視見恒沙中數人民意念所趣向。何況是星宿。

thị kiến hằng sa trung số nhân dân ý niệm sở thú hướng, hà hưởng thị tinh tú,
thấy được tâm niệm hướng đến của hằng hà sa số chúng sanh, hưởng là các vì sao,
以是故知但薩阿竭於諸法而有持。

dĩ thị cố tri đạt tát a kiết ưu chu Pháp nhi hữu trì.
Vì vậy nên biết Như Lai đối với các pháp mà có nắm giữ

是故聲聞辟支佛所不及知。尊者目犍連。

thị cố thanh văn Bích chi Phật sở bất cập tri. Tôn giả mục kiên liên.
cho nên hàng Thanh văn, Bích-chi-Phật không thể biết được. Tôn giả Mục-liên!

寧知十方佛刹中幾何天地當敗壞。幾何天地當合成。答女言。

ninh tri thập phương Phật sát trung ki hà Thiên địa đương bại hoại. ki hà Thiên địa đương hợp thành. đáp nữ ngôn.
ngài có thể biết trong cõi Phật ở mười phương có bao nhiêu thế giới sẽ phá hoại, bao nhiêu thế giới sẽ hợp thành. Đáp rằng:

不知。女復問目犍連。寧知幾佛以過去。

bất tri. nữ phục vấn mục kiên liên. ninh tri ki Phật dĩ quá khứ.
Không biết. Vô Sầu Ưu lại hỏi Mục-liên: Ngài biết có bao nhiêu pháp trong đời quá khứ

幾佛甫當來。幾佛今見在。答女言。不知。

ki Phật phủ đương lai. ki Phật kim kiến tại. đáp nữ ngôn. bất tri.
bao nhiêu pháp đời vị lai, bao nhiêu pháp đời hiện tại? Đáp rằng: Không biết

女復問目犍連。世間貪婬有幾人。喜瞋恚有幾人。

nữ phục vấn mục kiên liên. thế gian tham dâm hữu ki nhân. hi sân khúể hữu ki nhân.
Vô Sầu Ưu lại hỏi: Trên thế gian có bao nhiêu người tham dục, có bao nhiêu người ưa sân giận,

愚癡者有幾人。盡行三事有幾人。

ngu si giả hữu ki nhân. tận hạnh tam sự hữu ki nhân.
có bao nhiêu người ngu si, có bao nhiêu người thực hạnh cả ba việc tham, sân, si,

不行三事有幾人。答言。不知。女復問尊者摩訶目犍連。

bất hạnh tam sự hữu ki nhân. đáp ngôn. bất tri. nữ phục vấn Tôn giả Ma-Ha mục kiên liên.
có bao nhiêu người không thực hạnh tham, sân, si? Đáp rằng: Không biết. Vô Sầu Ưu lại hỏi:

世間有幾人求聲聞道。幾人求辟支佛道。

thế gian hữu ki nhân cầu thanh văn đạo. ki nhân cầu Bích chi Phật đạo.
Trên thế gian có bao nhiêu người cầu đạo Thanh văn, bao nhiêu người cầu đạo Duyên-giác,

幾人求摩訶衍。答女言。不知。女復問目犍連。

ki nhân cầu Ma-Ha diển. đáp nữ ngôn. bất tri. nữ phục vấn mục kiên liên.
boa nhiều người cầu đạo Đại-thừa? Đáp rằng: Không biết. Vô Sầu Ưu lại hỏi:

世間有幾人求佛道。幾人不信佛道。

thế gian hữu ki nhân cầu Phật đạo. ki nhân bất tín Phật đạo.
Trên thế gian có bao nhiêu người cầu đạo Phật, bao nhiêu người không tin đạo Phật,

幾人信九十六種道。幾人不信九十六種道。

ki nhân tín cửu thập lục chủng đạo. ki nhân bất tín cửu thập lục chủng đạo.
có bao nhiêu người tin chín mươi sáu thứ đạo,

適無所信為有幾人。答言。不知。女報目犍連。

thích vô sở tín vi hữu ki nhân. đáp ngôn. bất tri. nữ báo mục kiên liên.
có bao nhiêu người hoàn toàn không tin? Đáp rằng: Không biết. Vô Sầu Ưu nói:

但薩阿竭悉知是事。復過於此不可計無有限。

đát tát a kiết tất tri thị sự. phục quá u thù bất khả kể vô hữu hạn.
Đức Như Lai biết hết các việc này và những việc khác hơn đây không thể kể hết,
không có hạn lượng

聲聞辟支佛所不能及知。

thanh văn Bích chi Phật sở bất năng cập tri.
mà hàng Thanh văn Bích-chi-Phật không thể biết đến,

是故怛薩阿竭於諸法而有持。尊者目犍連。

thị cố đát tát a kiết u chư Pháp nhi hữu tri. Tôn giả mục kiên liên.
cho nên đức Như Lai đối với các pháp có sự nắm giữ. Tôn giả Mục-kiên-liên!

為怛薩阿竭所稱譽神足第一。寧曾至捷陀呵剌土(漢言香潔國)。

vi đát tát a kiết sở xung dự Thần túc đệ nhất. ninh tăng chí kiên đà ha sát
độ(hán ngôn hương khiết quốc)。

đức Như Lai được khen ngợi là thần thông đệ nhất, đã từng đến cõi nước Kiên-đà-
ha (Hán dịch là Hương-khiết),

是剌中有樹以七寶而校飾。以眾寶為樹栴檀為華香。

thị sát trung hữu thụ dĩ thất bảo nhi hiệu súc. dĩ chúng bảo vi thụ chiên đàn vi
hoa hương.

cõi ấy có cây bằng bảy báu, có chiên đàn làm hương hoa,

摩訶目犍連報女言。

Ma-Ha mục kiên liên báo nữ ngôn.

Ma-ha-mục-kiên-liên nói:

本所不聞本所不見今乃聞。

bổn sở bất văn bổn sở bất kiến kim nãi văn.

Trước đây vốn chưa nghe chưa thấy, nay mới nghe.

是剌土名字未曾所見聞願聞是剌中怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛名字。

thị sát độ danh tự vị tăng sở kiến văn nguyện văn thị sát trung đát tát a kiết a
la ha tam da tam Phật danh tự.

Tên cõi nước ấy chưa từng thấy nghe, nay muốn nghe danh tự của đức Như Lai, Ứng-
cúng, Chánh-biến-tri nơi cõi ấy,

今現在說經法不。女報言。

kim hiện tại thuyết Kinh Pháp bất. nữ báo ngôn.

hiện nay đức Phật có thuyết kinh pháp không? Vô Sầu Ưu đáp:

彼剌佛名香潔放光明怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛。在彼剌說經法。

bỉ sát Phật danh hương khiết phóng quang-minh đát tát a kiết a la ha tam da tam
Phật. tại bỉ sát thuyết Kinh Pháp.

Tên đức Phật ấy là Hương khiết Phóng Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến
Tri, hiện đang thuyết pháp nơi cõi ấy.

女無愁憂於坐不起作瑞應三昧。

nữ vô sầu ưu u tọa bất khởi tác thụ ứng tam-muội.

Rồi Vô Sầu Ưu ngồi nơi tòa mà nhập định tam-muội

念菩薩初發意。求阿耨多羅三耶三佛。

niệm Bồ Tát sơ phát ý. cầu a nậu đa-la tam da tam Phật.

nghĩ đến sơ phát tâm Bồ-tát mà cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

過聲聞辟支佛上如我。

quá thanh văn Bích chi Phật thượng như ngã.

vượt quá Thanh văn Bích-chi-phật,

至心願我香潔放光明怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。現光明使諸聲聞見其剎土。

chí tâm nguyện ngã hương khiết phóng quang-minh đất tát a kiết a la ha tam da

tam Phật. hiện quang-minh sử chu thanh văn kiến kỳ sát độ.

chí tâm nguyện cầu Hương Khiết Phóng Quang Minh Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri
hiện bày hào quang khiến các Thanh văn được thấy cõi nước kia

使國中栴檀香香聞是間剎土。

sử quốc trung chiêm đàn hương hương văn thị gian sát độ.

khiến mùi hương chiêm đàn nơi cõi ấy lan tỏa tại cõi này.

女無愁憂立是願。

nữ vô sầu ưu lập thị nguyện.

Vô Sầu Ưu lập nguyện này

於是香潔放光明怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。尋時放身相光明。是剎諸聲聞。

ư thị hương khiết phóng quang-minh đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật. tầm

thời phóng thân tướng quang-minh. thị sát chu thanh văn.

thì đức Hương Khiết Phóng Quang Minh Như Lai liền phóng hào quang trên thân
khiến hàng Thanh văn cõi này,

皆見彼剎土香潔放光明怛薩阿竭阿羅呵三耶三

giai kiến bỉ sát độ hương khiết phóng quang-minh đất tát a kiết a la ha tam da
tam

đều thấy đức Hương Khiết Phóng Quang Minh Như Lai ở cõi kia,

佛。於大眾中菩薩說經法。

Phật. ư Đại chúng trung Bồ Tát thuyết Kinh Pháp.

đang ở trong chúng Bồ-tát mà thuyết kinh pháp.

諸聲聞自於其處所。聞彼佛所說法皆佛威神之恩。

chư thanh văn tự ư kỳ xử sở. văn bỉ Phật sở thuyết Pháp giai Phật uy Thần chi ân
Các Thanh văn cõi này đều nghe đức Phật kia thuyết Pháp, đều nương nhờ oai thần
của Phật.

彼香潔怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛持六十種音說。

bỉ hương khiết đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật trì lục thập chủng âm
thuyết.

đức Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh-Như Lai dùng sáu mươi thứ âm thanh mà
thuyết Pháp,

如女無愁憂所說無異。

như nữ vô sầu ưu sở thuyết vô dị.

cũng như chỗ thuyết pháp của Vô Sầu Ưu không có sai khác.

初發意求阿耨多羅三耶三菩。是輩之人。過聲聞辟支佛上。

sơ phát ý cầu a nậu đa-la tam da tam bồ. thị bối chi nhân. quá thanh văn Bích
chi Phật thượng.

Những hạng người sơ phát tâm cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác vượt trên
cả Thanh văn, Bích-chi-Phật.

說是時。彌勒菩薩。白佛言。

thuyết thị thời. Di Lạc Bồ Tát. bạch Phật ngôn.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lạc bạch Phật rằng:

是栴檀香從何剎土來。至是間香乃如是。佛語彌勒菩薩。

thị chiêm đàn hương tòng hà sát độ lai. chí thị gian hương nãi như thị. Phật ngữ Di Lặc Bồ Tát.

Mùi hương chiêm đàn này từ cõi nào đưa đến khiến như vậy. Phật bảo Bồ-tát Di Lặc:

女無愁憂與諸大聲聞。共師子吼有此善瑞故。

nữ vô sầu ưu dữ chư Đại thanh văn. cộng Sư-tử hồng hữu thữ thiện thụy cố.
Do Vô Sầu Ưu và các đại Thanh văn có duyên lành với Phật kia

現彼香潔放光明佛剎剎中栴檀香滿沙呵剎

hiện bỉ hương khiết phóng quang-minh Phật sát sát trung chiêm đàn hương mãn sa ha sát

nên mùi hương chiêm đàn nơi cõi Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh lan tỏa khắp cõi này.

中。無愁憂女。語尊者目犍連。

trung. vô sầu ưu nữ. ngữ Tôn giả mục kiên liên.

Vô Sầu Ưu nói với Tôn giả Mục-kiên-liên rằng:

菩薩現功德變化。如是者。有何當志於小道。

Bồ Tát hiện công đức biến hoá. như thị giả. hữu hà đương chí ư tiểu đạo.

Bồ-tát hiển bày công đức biến hóa như vậy, có chí gì mà cầu ở đạo Tiểu-thừa.

女復問目犍連。寧知犍陀剎去是遠近不。目犍連答曰。

nữ phục vấn mục kiên liên. ninh tri kiên đà sát khứ thị viễn cận bất. mục kiên liên đáp viết.

Vô Sầu Ưu lại hỏi Mục-kiên-liên: Ngài biết nước Kiền-đà-ha cách đây bao xa không? Mục-kiên-liên đáp:

不知。女謂目犍連。

bất tri. nữ vị mục kiên liên.

Không biết. Vô Sầu Ưu nói:

如目連等滿是三千大千剎中。譬如蘆葦干柘竹稻草木。

như mục liên đẳng mãn thị tam thiên Đại Thiên sát trung. thí như lô vi can chá trúc đạo thảo mộc.

Thí như có số người bằng lúa mè tre lau cỏ cây trong ba ngàn đại thiên thế giới

令目連其數如此。時過一劫計彼佛剎無能計知其處。

lệnh mục liên kỳ số như thữ. thời quá nhất kiếp kế bỉ Phật sát vô năng kế tri kỳ xử.

đều như Mục-kiên-liên, trải qua một kiếp để tính đếm cõi Phật kia cũng không thể biết được

乃過爾所佛剎。乃可得香潔放光明佛所治。

nãi quá nhĩ sở Phật sát. nãi khả đắc hương khiết phóng quang-minh Phật sở trị.
cho đến có thể nghe hay thấy cõi Phật hay chỗ cai trị của đức Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh

爾時香潔放光明佛。即迴光還歸本土。

nhĩ thời hương khiết phóng quang-minh Phật. tức hồi quang hoàn quy bản độ.

Lúc bấy giờ Phật Hương Khiết Phóng Quang Minh liền thu hào quang rồi trở về đất nước mình,

於是佛剎不復現。目犍連見此變異。默然無所言趣。

ư thị Phật sát bất phục hiện. mục kiên liên kiến thù biến dị. mặc nhiên vô sở ngôn thú.

cõi Phật không hiện ra nữa. Mục-kiên-liên thấy việc biến hóa kỳ lạ này bèn im lặng không nói lời gì.

尊者摩訶迦葉。謂女無愁憂。

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp. vị nữ vô sầu ưu.

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi Vô Sầu Ưu rằng:

寧見前釋迦文怛薩阿竭阿羅呵三耶三菩不耶。

ninh kiến tiền Thích Ca văn đất tát a kiết a la ha tam da tam bồ bất da.
ngươi có thấy đức Thích-ca Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác không?

可得見佛色身使佛有所說。云何。

khả đắc kiến Phật sắc thân sử Phật hữu sở thuyết. vân hà.

Có thể thấy sắc thân của Phật, nghe Phật thuyết Pháp chăng?

見我色者

Kiến ngã sắc giả

Người thấy sắc thân ta

聞我聲者

Văn ngã thanh giả

Nghe âm thanh của ta

愚癡不信

Ngu si bất tín

Ngu si không tin hiểu

是人不見

Thị nhân bất kiến

Người này sẽ không thấy

以法見佛

Dĩ Pháp kiến Phật

Dùng pháp để thấy Phật

佛者法身

Phật giả Pháp thân

Phật tức là pháp thân

法者難曉

Pháp giả nan hiểu

Pháp ấy khó hiểu biết

以是叵見

Dĩ thị phả kiến

Do đó không thể thấy.

爾時尊者摩訶迦葉作是念。

Nhĩ thời Tôn giả Ma-ha Ca-diếp tác thị niệm.

Lúc bấy giờ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp hỏi rằng:

女曾見釋迦文怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛不。

nữ tăng kiến Thích Ca văn đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật bất.

Người từng thấy đức Thích-ca Như Lai, Ứng cúng, Chánh Biến Tri chưa?

女答迦葉言然。我見怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

nữ đáp ca diệp ngôn nhiên. ngã kiến đất tát a kiết a la ha tam da tam Phật.

Vô Sầu Ưu đáp: Vâng! Tôi thấy Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri,

不持肉眼見不色見。不無色見。亦不持天眼見。

bất trì nhục nhãn kiến bất sắc kiến. bất vô sắc kiến. diệc bất trì Thiên nhãn

kiến.

không dùng nhãn để thấy, không dùng sắc để thấy, không dùng vô sắc để thấy, cũng không dùng thiên nhãn để thấy,

亦不持痛痛思想生死識眼見。亦不智慧眼見。

diệc bất trì thống thống tư tưởng sanh tử thức nhãn kiến. diệc bất trí tuệ nhãn kiến.

không dùng thức nhãn đầy tưởng sanh tử để thấy, cũng không dùng huyệt nhãn để thấy,

亦不想識見。亦不法眼見。亦不身見。

diệc bất tưởng thức kiến. diệc bất Pháp nhãn kiến. diệc bất thân kiến.

cũng không dùng thức tưởng để thấy, cũng không dùng pháp nhãn để thấy, không dùng thân để thấy,

亦不佛眼見。亦不命見。摩訶迦葉。我見怛薩阿竭。

diệc bất Phật nhãn kiến. diệc bất mạng kiến. Ma-ha Ca-diếp. ngã kiến đát tát a
kiệt.

cũng không dùng Phật nhãn để thấy, cũng không dùng mạng để thấy. Ma-ha Ca-diếp!
Tôi thấy đức Như Lai

如尊者摩訶迦葉者。為無大明樂世間生。

như Tôn giả Ma-ha Ca-diếp giả. vì vô Đại minh lạc thế gian sanh.
như Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, vì vô minh nên ua sanh nơi thế gian.

自謂有身。緣一覺行。念欲見道。摩訶迦葉謂女。

tự vị hữu thân. duyên nhất giác hạnh. niệm dục kiến đạo. Ma-ha Ca-diếp vị nữ
Tự cho rằng có thân, rồi thực hạnh đạo duyên giác, ý muốn thấy đạo. Ma-ha Ca-
diếp hỏi Vô Sầu Ưu rằng:

設是法無有主。愚癡者乃樂生。

thiết thị Pháp vô hữu chủ. ngu si giả nãi lạc sanh.
Giả sử pháp này không có chủ, người ngu si chính là ua sanh

自謂是我身。一切萬物是我所有法想。

tự vị thị ngã thân. nhất thiết vạn vật thị ngã sở hữu Pháp tưởng.
rồi tự cho rằng thân là của ta, tất cả vạn vật tưởng là pháp của ta,

不於中邊得見。從何而化生。女謂摩訶迦葉。

bất u trung biên đắc kiến. tông hà nhi hóa sanh. nữ vị Ma-ha Ca-diếp.
không thể thấy rõ trong ấy là từ đâu mà hóa sanh. Vô Sầu Ưu đáp:

諸法不可得見。是故法無形。如是不可得見。如何生。

chư Pháp bất khả đắc kiến. thị cố Pháp vô hình. như thị bất khả đắc kiến. như hà
sanh.

các pháp không thể thấy, cho nên pháp là vô hình, như vậy không thể thấy, làm
sao sanh.

摩訶迦葉謂女。佛法亦空無所有。

Ma-ha Ca-diếp vị nữ. Phật Pháp diệc không vô sở hữu.
Ma-ha Ca-diếp hỏi: Phật pháp cũng là không, không có sở hữu

女復謂摩訶迦葉。欲得見無上正真法者當如法。

nữ phục vị Ma-ha Ca-diếp. dục đắc kiến vô thượng chánh chân Pháp giả đương như
Pháp.

Vô Sầu Ưu đáp: Muốn thấy pháp vô thượng chân chánh thì phải thấy như pháp

摩訶迦葉報女。白衣法我欲聞。況佛道不欲聞。

Ma-ha Ca-diếp báo nữ. bạch y Pháp ngã dục văn. huống Phật đạo bất dục văn.
Ma-ha Ca-diếp nói: Pháp của bạch y ta còn muốn nghe huống là Phật pháp mà không
nghe sao.

女謂摩訶迦葉。法不見有亦不見無。

nữ vị Ma-ha Ca-diếp. Pháp bất kiến hữu diệc bất kiến vô.
Vô Sầu Ưu nói: Pháp không thấy có cũng không thấy không

摩訶迦葉謂女。是法無。女復謂摩訶迦葉。

Ma-ha Ca-diếp vị nữ. thị Pháp vô. nữ phục vị Ma-ha Ca-diếp.
Ma-ha Ca-diếp nói: Pháp này là không. Vô Sầu Ưu lại nói:

諸法皆空無有形。不可從諦得見。若善男子善女人。

chư Pháp giai không vô hữu hình, bất khả tòng đế đắc kiến, nhược thiện nam tử
Thiện Nữ Nhân.

các pháp đều là không, không có hình tướng, không thể từ nơi chắc thật mà được
thấy. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân

欲見佛身相。自淨其行於行清淨。

dục kiến Phật thân tướng. tự tịnh kỳ hạnh ư hạnh thanh tịnh.
muốn thấy thân tướng của Phật, thì phải thanh tịnh hạnh vi của mình, ở nơi hạnh
vi thanh tịnh

得見諸淨是則純熟。摩訶迦葉謂女。

đắc kiến chư tịnh thị tắc thuần thực. Ma-ha Ca-diếp vị nữ.
mà thấy sự thanh tịnh thuần thực. Ma-ha Ca-diếp hỏi:

云何自淨其行純熟者。女謂摩訶迦葉。

vân hà tự tịnh kỳ hạnh thuần thực giả. nữ vị Ma-ha Ca-diếp.
Thế nào gọi là tự thanh tịnh hạnh vi thuần thực? Vô Sầu Ưu đáp:

能自觀身空者悉入諸法空。諸法亦不減亦不增。是為自見諸淨。

năng tự quán thân không giả tất nhập chư Pháp không. chư Pháp diệc bất giảm diệc
bất tăng. thị vi tự kiến chư tịnh.

Có thể tự quán sát thân là không, đều nhập vào các pháp không, các pháp cũng
không tăng không giảm, đó là tự thấy tất cả thanh tịnh

摩訶迦葉謂女。何等謂身空。女報。

Ma-ha Ca-diếp vị nữ. hà đẳng vị thân không. nữ báo.
Ma-ha Ca-diếp hỏi: Cái gì gọi là thân không? Vô Sầu Ưu đáp:

空盡空是。是身為空。諸法空亦如是。摩訶迦葉。

không tận không thị. thị thân vi không. chư Pháp không diệc như thị. Ma-ha Ca-
diếp

Hết thấy trống không là không, thân này là không, các pháp trống không cũng như
vậy.

復問女無愁憂。從何聞是法乃能信諦。

phục vấn nữ vô sầu ưu. tòng hà văn thị Pháp nãi năng tín đế.
Ma-ha Ca-diếp lại hỏi: Pháp này từ đâu mới có thể tin chắc chắn.

佛有二事因緣得信。聞他人善自念其行。女報迦葉。

Phật hữu nhị sự nhân duyên đắc tín. văn tha nhân thiện tự niệm kỳ hạnh. nữ báo
ca diếp.

Đức Phật có hai nhân duyên khiến được tin, đó là nghe điều thiện của người khác,
tự suy nghĩ hạnh vi của mình. Vô Sầu Ưu đáp:

他人智說可聞。爾乃自觀身造行。

tha nhân trí thuyết khả văn. nãi nãi tự quán thân tạo hạnh.

Người khác có trí tuệ nên thuyết giảng có thể nghe, ông chính là tự quán sát sự
tạo tác của thân,

女報摩訶迦葉。若自智慧。復觀一切智。以明為師。

nữ báo Ma-ha Ca-diếp. nhược tự trí tuệ. phục quán nhất thiết trí. dĩ minh vi sư
Vô Sầu Ưu lại nói: Nếu tự mình có trí tuệ, lại quán sát tất cả trí, lấy sự sáng
suốt làm thầy.

摩訶迦葉報女。云何自知身行善。女答言。

Ma-ha Ca-diếp báo nữ. vân hà tự tri thân hạnh thiện. nữ đáp ngôn.

Ma-ha Ca-diếp hỏi: Làm sao tự biết thân làm điều thiện. Vô Sầu Ưu đáp:

聞法觀善。身行善則見善造行。摩訶迦葉報女。

văn Pháp quán thiện. thân hạnh thiện tắc kiến thiện tạo hạnh. Ma-ha Ca-diếp báo nữ.

Nghe pháp quán sát điều thiện, thân làm việc thiện, thì thấy điều thiện nơi sự tạo tác. Ma-ha Ca-diếp hỏi:

云何菩薩自觀身行善。女答摩訶迦葉。

vân hà Bồ Tát tự quán thân hạnh thiện. nữ đáp Ma-ha Ca-diếp.

Bồ-tát làm sao tự quán sát thân làm điều thiện? Vô Sầu Ưu đáp:

菩薩法與一切天下人共合適不疏遠。

Bồ Tát Pháp dữ nhất thiết Thiên hạ nhân cộng hợp thích bất sơ viễn.

Pháp của Bồ-tát là thích hợp với tất cả mọi người trong thiên hạ không có xa lánh

是則菩薩身行善。女復報摩訶迦葉。

thị tắc Bồ Tát thân hạnh thiện. nữ phục báo Ma-ha Ca-diếp.

đó là thân Bồ-tát làm điều thiện. Vô Sầu Ưu lại nói:

當來法過去法今現在法。意無增減是為行菩薩法。

đương lai Pháp quá khứ Pháp kim hiện tại Pháp. ý vô tăng giảm thị vi hạnh Bồ Tát Pháp.

Pháp đời vị lai, quá khứ, hiện tại không có tăng giảm, đó là thực hạnh pháp Bồ-tát

摩訶迦葉問女。云何見法無所增無所減。

Ma-ha Ca-diếp vấn nữ. vân hà kiến Pháp vô sở tăng vô sở giảm.

Ma-ha Ca-diếp hỏi: Tại sao thấy pháp không có chỗ tăng giảm

女報摩訶迦葉。有二事。有法無法。不增不減。作是念。

nữ báo Ma-ha Ca-diếp. hữu nhị sự. hữu Pháp vô Pháp. bất tăng bất giảm. tác thị niệm.

Vô Sầu Ưu đáp: Có hai việc là: Có pháp không pháp, không tăng không giảm. Suy nghĩ như vậy

是為自見身意行。見身意行則為無所見知。

thị vi tự kiến thân ý hạnh. kiến thân ý hạnh tắc vi vô sở kiến tri.

đó là tự thấy thân và ý thực hạnh, thấy thân và ý thực hạnh tức là không có chỗ thấy biết.

摩訶迦葉。自見其身。迦葉謂女。云何自見其身。

Ma-ha Ca-diếp. tự kiến kỳ thân. ca diệp vị nữ. vân hà tự kiến kỳ thân.

Ma-ha Ca-diếp tự thấy thân của mình. Ca-diếp hỏi: Thế nào là tự thấy thân mình?

女報言。如摩訶迦葉。自度身不見一切人。

nữ báo ngôn. như Ma-ha Ca-diếp. tự độ thân bất kiến nhất thiết nhân.

Vô Sầu Ưu đáp: Như Ma-ha Ca-diếp tự độ thân mình mà không thấy tất cả mọi người

摩訶迦葉答言。我無所見。女報摩訶迦葉。

Ma-ha Ca-diếp đáp ngôn. ngã vô sở kiến. nữ báo Ma-ha Ca-diếp.

Ma-ha Ca-diếp nói: Tôi không có chỗ thấy. Vô Sầu Ưu đáp:

諸法適無所捨亦無所著。摩訶迦葉默然。

chư Pháp thích vô sở xả diệc vô sở trú. Ma-ha Ca-diếp mặc nhiên.

Các pháp vốn không có chỗ xả, cũng không có chỗ đắm. Ma-ha Ca-diếp im lặng

無以加報。爾時尊者須菩提。聞是語。

vô dĩ gia báo, nhi thời Tôn giả Tu Bồ đề, văn thị ngữ,
không có lời đáp lại. Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề nghe lời này

為甚難甚難大歡喜。問女無愁憂。

vi thậm nan thậm nan Đại hoan hỷ, văn nữ vô sầu ưu,
thì thấy rất khó hoan hỷ, hỏi Vô Sầu Ưu rằng:

從何得大利乃有此辯。女報須菩提。亦無得利亦無不得利。

tòng hà đắc Đại lợi nãi hữu thử biện, nữ báo Tu Bồ đề, diệc vô đắc lợi diệc vô
bất đắc lợi.

Từ đâu mà có lợi ích lớn và biện tài như vậy? Vô Sầu Ưu đáp: cũng không có lợi
ích, cũng không có biện tài

慧亦不見法法亦不見慧。

tuệ diệc bất kiến Pháp Pháp diệc bất kiến tuệ,
trí tuệ không thấy pháp, pháp không thấy trí tuệ,

亦不內觀亦不外觀。是則慧。所以者何。

diệc bất nội quán diệc bất ngoại quán, thị tắc tuệ, sở dĩ giả hà,
cũng không quán xét bên trong, không quán xét bên ngoài. Đó tức là tuệ, tại vì
sao?

須菩提言有法者則非法。如尊者須菩提。第一樂空閑處。

Tu Bồ đề ngôn hữu Pháp giả tắc phi Pháp, như Tôn giả Tu Bồ đề, đệ nhất lạc không
nhàn xử.

Tu-bồ-đề nói có pháp tức là phi pháp, như Tôn giả Tu-bồ-đề là người đệ nhất Lạc
không nhàn xử,

法為有處有說。為有慧無有慧慧無所說。

Pháp vi hữu xử hữu thuyết, vi hữu tuệ vô hữu tuệ tuệ vô sở thuyết,
Pháp và có nơi chốn, có nói rằng, là có tuệ, không có tuệ, tuệ không có chỗ để
nói.

須菩提報女言。不持空閑處。有法處得慧。

Tu Bồ đề báo nữ ngôn, bất trì không nhàn xử, hữu Pháp xử đắc tuệ,
Tu-bồ-đề nói: Không nắm giữ chỗ vắng lặng, có pháp xử là đắc trí tuệ

是法見不是可說不可出。女報須菩提。一切法悉如是。

thị Pháp kiến bất thị khả thuyết bất khả xuất, nữ báo Tu Bồ đề, nhất thiết Pháp
tất như thị.

pháp này thấy, không thể nói không thể đưa ra. Vô Sầu Ưu nói: Tất cả pháp đều
như vậy

無從見無從取。云何得大利而有慧。

vô tòng kiến vô tòng thủ, vân hà đắc Đại lợi nhi hữu tuệ,
không từ thấy, không từ chỗ lấy, tại sao được lợi lớn mà có tuệ?

須菩提報女言。設空無有慧。何從有是語。

Tu Bồ đề báo nữ ngôn, thiết không vô hữu tuệ, hà tòng hữu thị ngữ,
Tu-bồ-đề đáp: Giả sử trống không, không có tuệ, vậy từ đâu có lời này?

女問須菩提。寧聞山中大呼有響聲來應不。

nữ vấn Tu Bồ đề, ninh văn sơn trung Đại hô hữu hưởng thanh lai ứng bất,
Vô Sầu Ưu đáp: Ông nghe khi ở trong núi mà gọi lớn thì có tiếng vọng đáp lại
chẳng?

一切法悉如是。信不言信是響。有慧無慧本無慧。

nhất thiết Pháp tất như thị. tín bất ngôn tín thị hưởng. hữu tuệ vô tuệ bản vô tuệ.

Tất cả pháp đều như vậy, tin mà không nói tin là tiếng vọng, có tuệ mà không tuệ vốn là không tuệ

是響因聲而合成。女問須菩提。

thị hưởng nhân thanh nhi hợp thanh. nữ vấn Tu Bồ đề.
tiếng vọng do nơi âm thanh mà có. Vô Sầu Ưu lại hỏi:

是響出為有響像無。報女言。響無形像響因空而有名。

thị hưởng xuất vi hữu hưởng tượng vô. báo nữ ngôn. hưởng vô hình tượng hưởng nhân không nhi hữu danh.

tiếng vọng phát ra là có hình tượng không? Tu-bồ-đề đáp: Tiếng vọng không có hình tượng, là nơi trống không mà có tên,

一切法如響因空而出生。女報須菩提。

nhất thiết Pháp như hưởng nhân không nhi xuất sanh. nữ báo Tu Bồ đề.

tất cả pháp đều như tiếng vọng, là do nơi trống không mà phát ra. Vô Sầu Ưu nói:

一切法法所說從空生。須菩提問女言。若一切法從空生。

nhất thiết Pháp Pháp sở thuyết tòng không sanh. Tu Bồ đề vấn nữ ngôn. nhược nhất thiết Pháp tòng không sanh.

Tất cả pháp mà nói ra là từ trống không sanh. Tu-bồ-đề hỏi: Nếu tất cả pháp từ nơi trống không sanh,

何以故。佛說世間當來佛如恒沙數。

hà dĩ cố. Phật thuyết thế gian đương lai Phật như hằng sa số.

thì tại sao Phật nói đời vị lai có hằng-hà-sa số Phật

女報須菩提。欲得知法所生處耶。答言欲知。

nữ báo Tu Bồ đề. dục đắc tri Pháp sở sanh xứ da. đáp ngôn dục tri.

Vô Sầu Ưu đáp: Ông muốn biết chỗ sanh ra của pháp chăng? Đáp rằng: Muốn biết.

所生處無所生。無所生是生處。須菩提。恒沙等。

sở sanh xứ vô sở sanh. vô sở sanh thị sanh xứ. Tu Bồ đề. hằng sa đẳng.

Vô Sầu Ưu nói: Chỗ sanh tức là không có chỗ sanh, không có chỗ sanh tức là chỗ sanh. Tu-bồ-đề, hằng-sa Phật ấy

不見從如來去。亦無所至。所以作佛者。

bất kiến tòng Như Lai khứ. diệc vô sở chí. sở dĩ tác Phật giả.

là không thấy từ chỗ Như Lai đi, cũng không có chỗ đến, sở dĩ làm Phật

何法不從。發意亦不止意。須菩提報女言。

hà Pháp bất tòng. phát ý diệc bất chí ý. Tu Bồ đề báo nữ ngôn.

là không từ pháp nào, phát ý cũng không dừng ý. Tu-bồ-đề nói:

是說為第一未生未起。女報須菩提。

thị thuyết vi đệ nhất vị sanh vị khởi. nữ báo Tu Bồ đề.

Lời nói này là đệ nhất chưa sanh chưa khởi. Vô Sầu Ưu nói:

所說皆第一。若說若不說亦第一。一切無所生不可說。

sở thuyết giai đệ nhất. nhược thuyết nhược bất thuyết diệc đệ nhất. nhất thiết vô sở sanh bất khả thuyết.

Chỗ nói đều là đệ nhất. Nói và không nói cũng là đệ nhất, tất cả không có chỗ sanh, không thể nói,

不可說不離佛法。須菩提報女言。

bất khả thuyết bất ly Phật Pháp. Tu Bồ đề báo nữ ngôn.
không thể nói không lìa Phật pháp. Tu-bồ-đề nói:

甚難居家為道。乃有此辯。博覽眾要深入微妙。

thậm nan cư gia vi đạo. nãi hữu thủ biện. bác lãm chúng yếu thâm nhập vi diệu.
Ở thế gian rất khó học đạo, chính là có biện tài này, rộng hiểu biết cần thâm nhập chỗ vi diệu

女報須菩提。菩薩亦無居家。亦無出家。亦無沙門。

nữ báo Tu Bồ đề. Bồ Tát diệc vô cư gia. diệc vô xuất gia. diệc vô Sa Môn.
Vô Sầu Ưu nói: Bồ-tát không ở tại gia cũng không xuất gia, cũng không làm Sa-môn,

亦無不沙門。所以者何。以心意為行。

diệc vô bất Sa Môn. sở dĩ giả hà. dĩ tâm ý vi hạnh.
cũng không phải không làm Sa-môn. Tại vì sao? Bởi dòng tâm ý mà thực hạnh,
hành giả với trí vi thượng. dĩ hiệt vi thiện. Tu Bồ đề vấn.

hạnh giả dĩ trí vi thượng. dĩ hiệt vi thiện. Tu Bồ đề vấn.
thực hạnh thì lấy trí tuệ làm đầu, lấy sự sáng suốt làm điều thiện. Tu-bồ-đề hỏi:

菩薩有幾處止。願聞其說。女報須菩提。菩薩持八法住。

Bồ Tát hữu ki xử chí. nguyện văn kỳ thuyết. nữ báo Tu Bồ đề. Bồ Tát trì bát Pháp trụ.
Bồ-tát có mấy chỗ dừng nghỉ, tôi muốn nghe lời này. Vô Sầu Ưu đáp: Bồ-tát trụ nơi tám pháp,

是故止處在所止。無所不止。聲聞中第一。

thị cố chí xử tại sở chí. vô sở bất chí. thanh văn trung đệ nhất.
cho nên có chỗ dừng, không có chỗ nào là không dừng, là đệ nhất trong hàng Thanh văn

何等為八法。往菩薩常行善意。

hà đẳng vi bát Pháp. vãng Bồ Tát thường hạnh thiện ý.
thế nào là tám pháp? Bồ-tát thường thực hạnh ý thiện,

至心求佛無轉誨。一以大慈救護天上天下人。

chí tâm cầu Phật vô chuyển hối. nhất dĩ Đại từ cứu hộ Thiên thượng Thiên hạ nhân.

chí tâm cầu Phật đạo không lay chuyển hối hận. Một là có tâm từ bi lớn cứu vớt che chở tất cả người trong thế gian

二不捨大哀離世間法於身命無所著。

nhị bất xả Đại ai ly thế gian Pháp u thân mạng vô sở trú.
Hai là không xả bỏ pháp thế gian, không tham đắm thân mạng

三行漚和拘舍羅不可計智皆發意求佛。

tam hạnh âu hòa câu xá la bất khả kế trí giai phát ý cầu Phật.
Ba là thực hạnh đối với vô lượng chúng sanh, phát tâm cầu Phật đạo

四常行勇猛不厭見聞求諸法五悉知菩薩行處。

tứ thường hạnh dũng mãnh bất yếm kiến văn cầu chư Pháp ngũ tất tri Bồ Tát hạnh xử.

Bốn là thường dũng mãnh không biếng trễ, cầu thấy nghe các pháp. Năm là biết rõ chỗ thực hạnh của Bồ-tát

六悉救一切人意。七其智不從他人受一切法自證得忍。

lục tất cứu nhất thiết nhân ý. thất kỳ trí bất tòng tha nhân thọ nhất thiết Pháp tự chứng đắc nhãn.

Sáu là cứu vớt tất cả mọi người. Bảy là trí ấy không thọ nhận từ người khác, tất cả pháp là tự chứng, đắc pháp nhãn.

八如是。須菩提。持是八法行在所止處。

bát như thị. Tu Bồ đề. trì thị bát Pháp hạnh tại sở chỉ xứ.

Tám là như thị. Tu-bồ-đề, nắm giữ tám pháp này thực hạnh nơi chỗ dừng nghỉ,

過諸羅漢辟支佛上。於是須菩提默然。

quá chư la hán Bích chi Phật thượng. u thị Tu Bồ đề mặc nhiên.

vượt trên các La-hán Bích-chi Phật. Nghe xong lời này thì Tu-bồ-đề im lặng.

爾時尊者羅云問無愁憂女。乃作是解。

nhĩ thời Tôn giả la vân vấn vô sầu ưu nữ. nãi tác thị giải.

Bấy giờ Tôn giả La vân hỏi Vô Sầu Ưu: Người giải thích lời này,

曉了眾要總持智慧。何故。自坐金床穢濁。

hiểu liễu chúng yếu tổng trì trí tuệ. hà cố. tự tọa kim sàng uế trực.

muốn hiểu rõ cần có trí tuệ Tổng-trì, tại sao tự ngồi nơi tòa báu ô uế,

無謙卑恭敬之心。自處高床。與大比丘難說經法。

vô khiêm ti cung kính chi tâm. tự xử cao sàng. dữ Đại bi khâu nan thuyết Kinh

Pháp.

không có tâm khiêm nhường cung kính, mình ở nơi tòa cao mà cùng các Đại Tỳ-kheo nạn thuyết kinh pháp.

吾曾聞佛說。

ngô tăng văn Phật thuyết.

Tôi từng nghe Phật dạy,

人無疾病不得處高床及臥聽而說經法。女報尊者羅云。

nhân vô tật bệnh bất đắc xử cao sàng cập ngọa thính nhi thuyết Kinh Pháp. nữ báo

Tôn giả la vân.

người không tật bệnh thì không ở giường cao và nằm để nghe thuyết kinh pháp. Vô Sầu Ưu đáp:

寧知世間以何為淨何等不淨。羅云報女言。

ninh tri thế gian dĩ hà vi tịnh hà đẳng bất tịnh. la vân báo nữ ngôn.

Ông biết trên thế gian thì cái gì gọi là thanh tịnh, cái gì là không thanh tịnh?

La Vân đáp:

世間有持戒信受不犯者是則為淨。若有犯者則為不淨。

thế gian hữu trì giới tín thọ bất phạm giả thị tắc vi tịnh. nhược hữu phạm giả

tắc vi bất tịnh.

Thế gian có người trì giới tín thọ không phạm đó là thanh tịnh, nếu có phạm tức là không thanh tịnh

女報羅云。且止未曉未了所以者何。羅云。

nữ báo la vân. thả chi vị hiểu vị liễu sở dĩ giả hà. la vân.

Vô Sầu Ưu đáp: Thôi đi, chưa hiểu rõ được. Tại vì sao? Này La Vân!

持戒信受不犯者是則不淨。其犯戒者是為淨。

trì giới tín thọ bất phạm giả thị tắc bất tịnh. kỳ phạm giới giả thị vi tịnh.

Người trì giới tín thọ không phạm đó là không thanh tịnh. Nếu phạm giới đó là thanh tịnh.

所以者何。不倚淨慧則有淨不淨。

sở dĩ giả hà. bất ý tịnh tuệ tắc hữu tịnh bất tịnh.

Tại vì sao? không dựa vào tuệ thanh tịnh tức có tịnh và không tịnh

本無無淨不淨。諸阿羅漢所見如是。其犯戒者為淨。

bổn vô vô tịnh bất tịnh. chư A La Hán sở kiến như thị. kỳ phạm giới giả vi tịnh. vốn là không, không có tịnh và không tịnh. Các A-la-hán đều thấy như vậy, có phạm giới là tịnh.

所以者何。羅云。

sở dĩ giả hà. la vân.

Tại vì sao? La Vân!

以離於戒不復學可至無極慧。遠離惡道過於世間。是故謂為離戒。

dĩ ly ư giới bất phục học khả chí vô cực tuệ. viễn li ác đạo quá ư thế gian thị cố vị vi ly giới.

Do lìa ở giới, không còn học nữa tức có thể đến trí tuệ vô cực. Xa lìa đường ác vượt khỏi thế gian, cho nên gọi là lìa giới.

羅云報女。其人立願不立願有異無。女報言。

la vân báo nữ. kỳ nhân lập nguyện bất lập nguyện hữu dị vô. nữ báo ngôn.

La Vân nói: Người lập nguyện và không lập nguyện có gì khác không? Vô Sầu Ưu đáp:

尊者羅云。譬如紫磨黃金。持作眾物。

Tôn giả la vân. thí như tử ma hoàng kim. trì tác chúng vật.

Tôn giả La Vân! Thí như vàng ròng sắc tía đem làm các vật

珠環璣鎖。已作未作。前色後色有異無。

châu hoàn anh tóa. dĩ tác vị tác. tiền sắc hậu sắc hữu dị vô.

như vòng ngọc, chuỗi anh lạc, thì màu sắc khi đã làm và chưa làm có gì khác không?

報言無異。如是羅云。何故嫌處高床不恭敬謙。

báo ngôn vô dị. như thị la vân. hà cố hiềm xử cao sàng bất cung kính khiêm.

Đáp rằng: Không khác. Vô Sầu Ưu nói: Như vậy La vân! Tại sao lại tránh tôi ngồi tòa cao không có cung kính khiêm nhường,

苦者意行是本。羅云。

khổ giả ý hạnh thị bổn. la vân.

sự khổ đau thì ý tạo tác là gốc rễ. La vân!

昔菩薩以草蓐於地為坐。過於聲聞坐梵天坐。羅云復問。

tích Bồ Tát dĩ thảo nhục ư địa vi tọa. quá ư thanh văn tọa Phạm Thiên tọa. la vân phục vấn.

Thưa xưa Bồ-tát dùng cỏ trải đất làm tòa ngồi, mà vượt hơn tòa của Thanh văn, tòa của Phạm thiên. La vân hỏi:

云何坐得過聲聞坐於梵天。仁者羅云。

vân hà tọa đắc quá thanh văn tọa ư Phạm Thiên. nhân giả la vân.

Tại sao lại vượt hơn tòa của Thanh văn và Phạm thiên. Đáp rằng: Tôn giả La vân!

菩薩於樹下以草為坐。

Bồ Tát ư thụ hạ dĩ thảo vi tọa.

Bồ-tát dùng cỏ làm tòa ở dưới gốc cây

三千世界剎土釋梵四天王及世間。上至三十三天。

tam thiên thế giới sát độ thích phạm tứ Thiên Vương cập thế gian. thượng chí tam thập tam Thiên.

thì Đế thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương và thế gian trong ba ngàn thế giới, trên đến cõi trời Đao-lợi.

其中人民大鬼神皆來問訊。菩薩中有頭面禮菩薩足者。

kỳ trung nhân dân Đại quý Thần giai lai vấn tấn. Bồ Tát trung hữu đầu diện lễ Bồ Tát túc giả.

Tất cả nhân dân và quý thần trong ấy đều đến thăm hỏi, có người đem đầu mặt lễ dưới chân Bồ-tát,

有跪拜者。有揖讓者。中有叉手者。為爾不羅云。

hữu quy bái giả. hữu ấp nhượng giả. trung hữu xoa thủ giả. vi nhĩ bất la vân. có người quy xuống làm lễ, có người vái chào, có người chấp tay, có đứng không La Vân?

羅云答言。有是有是。

la vân đáp ngôn. hữu thị hữu thị.

La Vân đáp: Đúng vậy, có như vậy.

羅云當知菩薩處意高下非謂床坐。是故過聲聞坐梵天。

la vân đương tri Bồ Tát xử ý cao hạ phi vị sàng tọa. thị cố quá thanh văn tọa Phạm Thiên.

Vô Sầu Ưu nói: La Vân phải biết, Bồ-tát khởi ý cao thấp chẳng phải nơi giường tòa, cho nên vượt hơn tòa của Thanh văn, Phạm thiên,

當作是知。爾時王阿闍菴。告女無愁憂。汝不知耶。

đương tác thị tri. nhĩ thời Vương a xà thế. cáo nữ vô sầu ưu. nhữ bất tri da. phải biết như vậy. Bây giờ vua A-xà-thế bảo con gái Vô Sầu Ưu rằng: Con không biết sao?

尊者羅云。是遮迦越王種尊第一。

Tôn giả la vân. thị giả ca việt Vương chủng tôn đệ nhất.

Tôn Giả La vân. thị chận ca qua vua thú/loài tôn thú nhất.

Tôn giả La Vân là đích tôn duy nhất của vua Già-ca-việt.

信用道德故少小棄家行作沙門。棄遮迦越國。

tín dụng đạo đức cố thiếu tiểu khí gia hạnh tác Sa Môn. khí già ca việt quốc. vì tin dùng đạo đức nên tuổi nhỏ mà đã bỏ thế gian để làm Sa-môn, bỏ cả nước già-ca-việt,

是佛釋迦文子。持戒第一。汝云何反輕戲不以禮敬。

thị Phật Thích Ca văn tử. trì giới đệ nhất. nhữ vân hà phản khinh hí bất dĩ lễ kính.

La Vân là con của Phật Thích-ca, là người trì giới đệ nhất, tại sao con lại khinh lờn không kính lễ.

女白王。止莫說是語。

nữ bạch Vương. chỉ mạc thuyết thị ngữ.

Vô Sầu Ưu thưa: Phụ vương hãy thôi chớ nói lời này

寧可以神丹之珠比之於水精。王曾見師子當生蟲狐。

ninh khả dĩ Thần đan chi châu bi chi u thủy tinh. Vương tăng kiến Sư-tử đương sanh trùng hồ.

Sao có thể đem viên thân dược so với thủy tinh dược, phụ vương từng thấy su tử mà sanh ra giống sâu bọ chua,

遮迦王子豈當為小國王。王言不爾。

già ca Vương tử khởi đương vi tiểu Quốc Vương. Vương ngôn bất nhĩ.
con của vua Già-ca-việt có làm vua nước nhỏ không? Vua đáp: Không đúng.

女復白王當知是因緣。彼羅云不從怛薩阿竭。為父母胞胎生。

nữ phục bạch Vương đương tri thị nhân duyên. bi la vân bất tòng đát tát a
kiệt. vi phụ mẫu bào thai sanh.

Vô Sầu Ưu lại nói: Phải biết đây là nhân duyên, La Vân không phải từ đức Như Lai
sanh, mà sanh từ bào thai cha mẹ.

怛薩阿竭師子行。皆降伏九十六種道。

đát tát a kiệt Su-tử hạnh. giai hàng phục cử thập lục chủng đạo.

Đức Như Lai thực hạnh hạnh Su tử, hàng phục được chín mươi sáu thứ ngoại đạo,
神通之智。悉具足為大聖猛。一切諸法悉了知。

Thần thông chi trí. tất cụ túc vi Đại Thánh mãnh. nhất thiết chư Pháp tất liễu
tri.

đầy đủ thần thông và trí tuệ, là bậc Đại thánh biết rõ tất cả pháp

無所罣礙。等知一切人心所念。

vô sở quái ngại. đẳng tri nhất thiết nhân tâm sở niệm.

không có chướng ngại, cũng biết hết tâm niệm tất cả chúng sanh,

知當來過去今在悉曉知。為大醫王療人苦痛。

tri đương lai quá khứ kim tại tất hiểu tri. vi Đại y Vương liệu nhân khổ thống.
biết rõ đời vị lai quá khứ cũng như hiện tại, là bậc Đại y vương chữa bệnh khổ
não cho con người,

常勸助一切轉法輪。舍利弗摩訶目犍連。摩訶迦葉。

thường khuyến trợ nhất thiết chuyển Pháp luân. Xá lợi Phật Ma-Ha mục kiên
liên. Ma-ha Ca-diếp.

thường khuyến khích các đệ tử chuyển Pháp luân, các Ngài như Xá-lợi-phất, Ma-ha-
mục-kiên-liên, Ma-ha Ca-diếp.

須菩提。蠡越。羅云。阿難。如是輩聞法皆奉行。

Tu Bồ đề. Lẽ việt. la vân. A Nan. như thị bối văn Pháp giai phụng hạnh.

Tu-bồ-đề, Lẽ-việt, La Vân, A-nan, đều nghe pháp mà phụng hạnh,

猶非是佛之子。爾時諸尊聲聞在大眾中。

do phi thị Phật chi tử. nhĩ thời chư tôn thanh văn tại Đại chúng trung.

do chẳng phải là con của Phật. Bấy giờ các Tôn giả Thanh văn ở trong đại chúng

女為說經法。女白王。

nữ vi thuyết Kinh Pháp. nữ bạch Vương.

đều nghe Vô Sầu Ưu thuyết kinh pháp. Vô Sầu Ưu nói: Phụ vương!

過去阿僧祇劫有佛名提和竭羅。時婆羅門女。字須羅陀(漢言鮮潔辯)。

quá khứ a tăng kì kiếp hữu Phật danh đề hòa kiệt la. thời Bà-la-môn nữ. tự tu la
đà (hán ngôn tiên khiết biện).

Vào thời quá khứ a-tăng-kỳ kiếp có đức Phật hiệu là Đề-hòa-kiệt-la, bấy giờ có
con gái Bà-la-môn tên là Tu-la-đà (Hán dịch là Tiên-khiết-biện).

復有婆羅門子。字鞞多衛提和竭羅怛薩阿竭。

phục hữu Bà-la-môn tử, tự tỳ đa vệ đề hòa kiết la đất tát a kiết.
lại có người con trai Bà-la-môn tên là Tỳ-đa-vệ, đến nơi Phật Đề-hòa-kiết-la Như Lai,

時持華五莖散佛上。時賣華女發心願。

thời trì hoa ngũ hạnh tán Phật thượng. thời mai hoa nữ phát tâm nguyện.
và cầm năm trâm cành hoa sen dâng lên cúng dường. Lúc ấy người con gái bán hoa
liền phát tâm nguyện

欲世世為夫婦。乃至于得佛。復發心求摩訶衍。

dục thế thế vi phu phụ. nãi chí vu đắc Phật. phục phát tâm cầu Ma-Ha diễn.
muốn đời đời làm vợ chồng với người nam ấy cho đến khi thành Phật; lại phát tâm
cầu đạo Đại thừa.

乃爾時過去阿僧祇劫作功德。發願世世相隨。

nãi nhĩ thời quá khứ a tăng kì kiếp tác công đức. phát nguyện thế thế tương
tùy.

Chính là vào thời quá khứ a-tăng-kỳ kiếp đã tạo công đức, phát nguyện đời đời
theo nhau,

欲救諸下劣。是故從佛求願。

dục cứu chư hạ liệt. thị cố tông Phật cầu nguyện.
muốn cứu độ mọi người, cho nên theo Phật cầu nguyện

從佛求願終無有空。俱夷者釋種女。

tông Phật cầu nguyện chung vô hữu không. câu di giả thích chủng nữ.
theo Phật cầu nguyện mà trọn không có gì. Câu-di là con gái dòng họ Thích,

大樂發阿耨多羅三藐三菩提心。漚和拘舍羅行勸一切菩薩。

Đại lạc phát a nậu đa-la tam miểu tam bồ tâm âu-hòa-câu-xá-la hành khuyến nhất
thiết Bồ Tát.

hoan hỷ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, dùng phương tiện thiện xảo để
khuyến hoá hết thầy Bồ-tát

示現有妻子男女奴婢象馬金銀珍寶摩尼珠。

thị hiện hữu thê tử nam nữ nô tì tượng mã kim ngân trân bảo ma-ni châu.
thị hiện có vợ con tôi tớ voi ngựa vàng bạc châu báu.

所以者何。護九十六種道。不欲使誹謗菩薩。

sở dĩ giả hà. hộ cửu thập lục chủng đạo. bất dục sử phi báng Bồ Tát.
Tại vì sao? Vì che chở chín mươi sáu thứ ngoại đạo, không muốn họ phi báng Bồ-
tát.

非男子王為生黃門。世有何特而言忍勤苦。

phi nam tử vương vi sanh hoàng môn. thế hữu hà đặc nhi ngôn nhẫn cần khổ.
kẻ có khí phi nam mạnh thì dễ sinh hoàng môn, cho nên thế gian sao lại riêng
biệt mà nói họ phải cần khổ.

設作是念當墮泥犁中。晝夜苦痛不可言。

thiết tác thị niệm đương đọa nê lê trung. trú dạ khổ thống bất khả ngôn.
Giả sử khởi niệm này sẽ đọa vào ngục Nê-lê, đêm ngày chịu khổ không thể nói hết

菩薩乃從提和竭羅怛薩阿竭阿羅呵三藐三佛以

Bồ Tát nãi tông đề hòa kiết la đất tát a kiết a la ha tam miểu tam Phật dĩ
Bồ-tát cho đến Đề-hòa-kiết-la Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác trở lại

來。菩薩受別無有色思想。女白王。

lai. Bồ Tát thọ biệt vô hữu sắc tư tưởng. nữ bạch Vương.

Bồ-tát thọ riêng tư tưởng Vô hữu sắc, con gái thua với Vua cha vậy.

爾時婆羅門子鞞多衛。

nhĩ thời Bà-la-môn tử tỳ đa vệ。

Bấy giờ con trai Bà-la-môn Tỳ-đa-vệ

從提和竭羅怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛。

tòng đề hòa kiệt la đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật。

từ nơi ĐỀ-hòa-kiệt-la Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Giác

得慧明六萬三昧門逮得無盡明恒沙數陀憐尼法。受是別時。

đắc tuệ minh lục vạn tam-muội môn逮 đắc vô tận minh hằng sa số đà liên ni

Pháp. thọ thị biệt thời。

mà được trí tuệ sáng suốt, sáu vạn tam-muội, chứng vô tận minh, hằng hà sa số Đà-la-ni pháp, thọ trì pháp này những lúc riêng biệt,

前所願所為盡悉棄除。從得忍有言。羅云是佛之子。

tiền sở nguyện sở vi tận tất khí trừ. tòng đắc nhẫn hữu ngôn. la vân thị Phật chi tử。

trước kia phát nguyện và thực hành đều xả bỏ hết. La Vân là con của Phật

從父母胞胎中生者。是為謗如來菩薩。

tòng phụ mẫu bào thai trung sanh giả. thị vi báng Như Lai Bồ Tát。

(mà bào) từ bào thai cha mẹ sanh ra, đó là phỉ báng Như Lai Bồ-tát

於妻子國城不以樂色故。菩薩離愛欲。

ư thê tử quốc thành bất dĩ lạc sắc cố. Bồ Tát ly ái dục。

đối với vợ con quốc thành không cho là vui, Bồ-tát xa lìa ái dục

於世間法無所沾污。女白王。大海中求火尚可得。

ư thế gian Pháp vô sở triêm ô. nữ bạch Vương. Đại hải trung cầu hỏa thượng khả đắc。

đối với pháp thế gian không có nhiễm ô. Vô Sầu Ưu nói: Phụ Vương, thí như vào biển lớn tìm lửa điều ấy có thể được,

菩薩貪婬瞋恚不可得。王當知是法。

Bồ Tát tham dâm sân khuê bất khả đắc. Vương đương tri thị Pháp。

nhưng Bồ-tát mà tham dục sân giận thì không thể được. Vua phải biết pháp này.

者羅云為化生。不從父母胞胎生。

Tôn giả la vân vi hóa sanh. bất tòng phụ mẫu bào thai sanh。

Tôn giả La Vân là hóa sanh, không từ bào thai cha mẹ sanh ra mà từ

所化現皆佛威神。菩薩隨習俗而教化。護一切癡意。

sở hóa hiện giai Phật uy Thần. Bồ Tát tùy tập tục nhi giáo hóa. hộ nhất thiết si ý。

chỗ hóa hiện đều là oai thần của Phật. Bồ-tát tùy thuận thể tục mà giáo hóa, cứu hộ tất cả người ngu si,

如幻現形。一切所作常不離三昧。自現在小兒中。

như huyễn hiện hình. nhất thiết sở tác thường bất ly tam-muội. tự hiện tại tiểu nhi trung。

hiện hình như huyễn hóa, tất cả thường không lìa tam-muội, thị hiện hình trẻ con,

現白衣居士中。

hiện bạch y Cư-sĩ trung。

thị hiện hình cư sĩ,

現菩薩聲聞中天上人中人非人等尊劣長幼下賤伎樂宮女。

hiện Bồ Tát thanh văn trung Thiên thượng nhân trung nhân phi nhân đẳng tôn liệt trường ấu hạ tiện kĩ nhạc cung nữ.

thị hiện Bồ-tát, Thanh văn, Trời, Người, chẳng phải người, hoặc tôn quý hoặc thấp hèn, hoặc kĩ nhạc cung nữ,

酒食隨所欲度而往生。如是所示現處不可計不可數。

tửu thực tùy sở dục độ nhi vãng sanh. như thị sở thị hiện xử bất khả kể bất khả số.

hoặc uống rượu ăn thịt, tùy theo chỗ ưa thích mà thị hiện để độ người, như vậy chỗ thị hiện là không thể tính đếm so lường.

眾會中有發心念。

chúng hội trung hữu phát tâm niệm.

Trong hội chúng có người nghĩ rằng

誰為適是怛薩阿竭種姓真子者。等知正見不斷三寶。

thùy vi thích thị đất tát a kiết chủng tính chân tử giả. đẳng tri chánh kiến bất đoạn Tam Bảo.

ai là người thích hợp làm con của dòng họ Như Lai, có chánh kiến không hoại diệt Tam bảo,

護七覺意隨所樂而化。是曹之人真佛之子。

hộ thất giác ý tùy sở lạc nhi hóa. thị tào chi nhân chân Phật chi tử.

giữ đạo Thất giác chi, tùy theo chỗ ưa thích của chúng sanh mà giáo hóa, người ấy chính là con của Phật

若善男子善女人。欲為佛作真子。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. dục vi Phật tác chân tử.

Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nơn muốn làm người con chơn chánh của Phật

當發阿耨多羅三耶三菩心。說是語時。王後宮列女二十五人。

đương phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm. thuyết thị ngữ thời. Vương hậu cung liệt nữ nhị thập ngũ nhân.

thì phải phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc Vô Sầu Ưu nói lời ấy xong, trong cung vua có hai mươi lăm người nữ

皆發阿耨多羅三耶三菩心。時千天子。

giai phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm. thời thiên Thiên tử.

đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ có ngàn vị thiên tử

聞女無愁憂師子吼。皆發阿耨多羅三耶三菩心。

văn nữ vô sầu ưu Sư-tử hồng. giai phát a nậu đa-la tam da tam bồ tâm.

nghe Vô Sầu Ưu thực hành hạnh Sư-tử-hồng, cũng đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

同時發聲言。我是當來佛過去佛之上子。

đồng thời phát thanh ngôn. ngã thị đương lai Phật quá khứ Phật chi thượng tử.

đồng nói lời rằng: Ta là con của Phật vị lai, Phật quá khứ.

發心已雨於天華。遍覆羅閱祇大城中。

phát tâm dĩ vũ ư Thiên hoa. biên phúc la duyệt kì Đại thành trung.

Lúc phát tâm rồi thì trời rưới mưa hoa khắp cả nước La-duyệt-kỳ

以供養女無愁憂。時無愁憂於金床下。前趣諸尊聲聞。

dĩ cung dưỡng nữ vô sầu ưu. thời vô sầu ưu ư kim sàng hạ. tiền thú chư tôn thanh văn.

để cúng dường Vô Sầu Ưu. Bấy giờ Vô Sầu Ưu bước xuống tòa đến trước mặt các Tôn giả Thanh văn

無愁憂女問諸尊聲聞。為曉分衛法不。

vô sầu ưu nữ vấn chư tôn thanh văn. vi hiểu phân vệ Pháp phủ.
rồi hỏi các Tôn giả : Các vị hiểu pháp Phân vệ không

諸尊聲聞。答女言。以曉云何曉。

chư tôn thanh văn. đáp nữ ngôn. dĩ hiểu vân hà hiểu.

các Tôn giả Thanh văn hỏi: Phải hiểu thế nào đây?

答曰身有四神從因緣生。常覆蓋順化懼有壞敗。

đáp viết thân hữu tứ Thần tòng nhân duyên sanh. thường phúc cái thuận hóa cụ hữu hoại bại.

đáp rằng thân có bốn Thần từ nhân duyên sanh, thường che lấp sự thuận hòa e sợ có sự tan rã,

以故當飯食之。是身以飯食得立。無飯食則不得安隱。

dĩ cố đương phạn thực chi. thị thân dĩ phạn thực đắc lập. vô phạn thực tắc bất đắc an ổn.

cho nên thường phải ăn uống, thân này nhờ ăn uống mà tồn tại, không ăn uống thì không được an ổn.

是身譬如弊壞之車。須脂膏而得所安。

thị thân thí như tệ hoại chi xa. tu chi cao nhi đắc sở an.

Thân này cũng như chiếc xe hư hoại, phải bôi dầu mỡ để được an toàn

所以時食欲護身故。不自貢高行乞。不以為色相。

sở dĩ thời thực dục hộ thân cố. bất tự cống cao hạnh khát. bất dĩ vi sắc tướng. cho nên ăn uống là để giúp thân, không tự cống cao mà nên thực hành hạnh khát thực, không vì sắc tướng

不以為貪。亦以欲破貪故。女無愁憂。

bất dĩ vi tham. diệc dĩ dục phá tham cố. nữ vô sầu ưu.

không vì tham, cũng vì muốn phá sự tham. Vô Sầu Ưu

聞諸尊聲聞各各說是事。聞所說亦不喜亦不憂。

văn chư tôn thanh văn các các thuyết thị sự. văn sở thuyết diệc bất hi diệc bất ưu.

nghe các Tôn giả Thanh văn nói các sự việc rồi, nghe xong cũng không vui không buồn,

如是身為災患勤苦若此。即以時請諸聲聞。

như thị thân vi tai hoạn tinh cần khổ nhuộc thử. tức dĩ thời thỉnh chư thanh văn.

như vậy thân là tai họa lao nhọc như đây. Bấy giờ Vô Sầu Ưu bèn mời các Thanh văn,

供養以百味飯。具飯食訖。竟皆揖讓。

cung dưỡng dĩ bách vị phạn. cụ phạn thực cập. cánh giai ấp nhuộc. nhận sự cúng dường thức ăn của mình. Ăn xong mọi người đều chấp tay

便還耆闍崛山中。聽怛薩阿竭說法。

tiện hoàn Kỳ đồ Quạt sơn trung. thỉnh đát tát a kiệt thuyết Pháp.

huống về núi Kỳ-xà-quật để nghe đức Như Lai thuyết Pháp.

我曹亦俱當往無愁憂女。

ngã tào diệc câu đương vãng vô sầu ưu nữ.

Ta cùng nữ Vô Sầu Ưu đang đến đứng hai bên dự hội.

食後與父母兄弟宗親後宮列女群臣人民俱。出城到耆闍崛山中。

thực hậu dữ phụ mẫu huynh đệ tông thân hậu cung liệt nữ quần Thần nhân dân
câu. xuất thành đảo Kì đồ Quạt sơn trung.

Cùng cha mẹ anh em bà con, người hầu trong cung, các quan, nhân dân đều đi đến
núi Kỳ-xà-quật

前以頭面著地為佛作禮。遶佛三匝却坐一面。

tiền dĩ đầu diện trú địa vi Phật tác lễ. nhiều Phật tam tạp khuớc tọa nhất
diện.

rồi cúi đầu xuống đất đánh lễ đức Phật, nhiều quanh Phật ba vòng rồi ngồi qua
một bên.

諸尊聲聞從禪覺亦皆悉來。為佛作禮坐一面。

chư tôn thanh văn tòng Thiền giác diệc giai tất lai. vi Phật tác lễ tọa nhất
diện.

Các Tôn giả Thanh văn cũng đến làm lễ Phật rồi ngồi qua một bên.

舍利弗從坐起。正衣服下右膝叉手白佛言。

Xá lợi Phất từng tọa khởi. chánh y phục hạ hữu tất xoa thủ bạch Phật ngôn.

Ngài Xá-lợi-phất từ tòa đứng dậy sửa sang y phục, quỳ gối chấp tay bạch Phật
rằng:

是女無愁憂。所說甚難入深法要。

thị nữ vô sầu ưu. sở thuyết thậm nan nhập thâm Pháp yếu.

Người nữ Vô Sầu Ưu này thuyết giảng thật khó thâm nhập pháp yếu

以權行立人不可勝數。所問種種悉能報答。

dĩ quyền hạnh lập nhân bất khả thắng số. sở vấn chủng chủng tất năng báo đáp.

dùng phương tiện để lập luận với người không thể kể hết, ai hỏi điều gì cũng có
thể trả lời.

佛告舍利弗是女無愁憂。以供養九十二億佛。

Phật cáo Xá lợi Phất thị nữ vô sầu ưu. dĩ cung dưỡng cửu thập nhị ức Phật.

Phật bảo Xá-lợi-phất: Vô Sầu Ưu này đã từng cúng dường chín mươi hai ức đức
Phật,

作功德常不離漚沱拘舍羅。舍利弗白佛。

tác công đức thường bất ly ầu hòa câu xá la. Xá lợi Phất bạch Phật.

làm các công đức không bao giờ rời các phương tiện thiện xảo. Xá-lợi-phất bạch
Phật rằng:

是女何故不棄女人。佛告舍利弗。

thị nữ hà cố bất khí nữ nhân. Phật cáo Xá lợi Phất.

Tại sao Vô Sầu Ưu không xả bỏ thân người nữ? Phật dạy:

若諸聲聞謂此無愁憂是女人耶。

nhược chư thanh văn vị thử vô sầu ưu thị nữ nhân da.

Chúng Thanh văn đều cho rằng Vô Sầu Ưu là người nữ chẳng?

若等不深入般若波羅蜜不見人根觀本迹。然便等視於所行。

nhược đẳng bất thâm nhập bát nhã ba la mật bất kiến nhân căn quán bản

tích. nhiên tiện đẳng thị ư sở hạnh.

Nếu các ông không thâm nhập Bát-nhã-ba-la-mật thì không thấy được gốc tích của
con người, mà chỉ nhìn nơi việc làm bên ngoài.

菩薩諮所樂喜以權道示現。有男女其限無所罣礙。

Bồ Tát ti sở lạc hi dĩ quyền đạo thị hiện. hữu nam nữ kỳ hạn vô sở quái ngại.
Bồ-tát là tùy theo chỗ ưa thích của chúng sanh mà thị hiện, làm thân nam hay nữ
đều không chướng ngại,

欲度男女故。無愁憂女欲捨舍利弗之狐疑。

dục độ nam nữ cố. vô sầu ưu nữ dục quyết Xá lợi Phật chi hồ nghi.
vì muốn độ chúng sanh vậy. Vô Sầu Ưu muốn giải thích sự nghi ngờ của Xá-lợi-phất

現身立願。使大眾中悉見我是男子。

hiện thân lập nguyện. sử Đại chúng trung tất kiến ngã thị nam tử.
nên hiện thân lập nguyện, khiến đại chúng đều thấy thân người nam

作是念已。

tác thị niệm dĩ.
vừa khởi niệm xong

即諸大眾見無愁憂身為男子不復見女人像。無愁憂於時踊在虛空中。

tức chư Đại chúng kiến vô sầu ưu thân vi nam tử bất phục kiến nữ nhân tượng. vô
sầu ưu ư thời dũng tại hư không trung.
thì đại chúng đều thấy Vô Sầu Ưu trở thành tướng người nam. Bấy giờ Vô Sầu Ưu
liền vọt lên giữa hư không

去地七十丈住止空中。佛告舍利弗。

khứ địa thất thập trượng trụ chi không trung. Phật cáo Xá lợi Phật.
cách đất mười bảy trượng rồi đứng giữa hư không. Phật bảo Xá-lợi-phất:

見是無愁憂為男子踊在虛空中去地七十丈。若見不。

kiến thị vô sầu ưu vi nam tử dũng tại hư không trung khứ địa thất thập
trượng. nhược kiến bất.

Ông có thấy Vô Sầu Ưu biến thành thân nam và đứng giữa hư không cách đất mười
bảy trượng chăng?

舍利弗白佛。唯然已見。佛告舍利弗。是無愁憂。

Xá lợi Phật bạch Phật. duy nhiên dĩ kiến. Phật cáo Xá lợi Phật. thị vô sầu ưu.
Xá-lợi-phất bạch Phật: Dạ vâng đã thấy. Phật bảo Xá-lợi-phất: Vô Sầu Ưu này

却後七百阿僧祇劫當作佛。

khước hậu thất bách a tăng kì kiếp đương tác Phật.
đời sau qua bảy trăm A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật

佛名鞞竭俞 (漢言離愁) 怛薩阿竭阿羅訶三耶三佛。

Phật danh tỳ kiệt du (hán ngôn ly sầu) đất tát a kiệt a la ha tam da tam Phật.
hiệu là Tỳ-kiệt-du (Hán dịch là Ly Sầu) Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác;

剎名鞞末拘遼害 (漢言無垢濁光炎)。其壽十萬劫。佛般泥洹後。

sát danh tỳ mạt câu liêu hại (hán ngôn vô cấu trược quang viêm). kỳ thọ thập
vạn kiếp. Phật bát nê hoàn hậu.

cõi nước tên là Tỳ-mạt-câu-liêu-hại (Hán dịch là Vô Cấu Trược Quang Viên). Phật
ấy thọ mười vạn kiếp, sau khi Niết-bàn

經法留止十劫不斷絕。是剎中地皆如細瑠璃。

Kinh Pháp lưu chi thập kiếp bất đoạn tuyệt. thị sát trung địa giai như tế lưu ly
thì giáo pháp trụ ở đời mười kiếp không đoạn tuyệt. Đất trong cõi ấy đều như lưu
ly.

其剎土八方方有一道。是佛所遊行處。

kỳ sát độ bát phương phương hữu nhất đạo. thị Phật sở du hạnh xứ

Cõi nước ấy, tám phương hướng đều có một đường, là nơi Phật du hành.

以七寶為樹。以眾寶為欄楯。以天繒為華蓋。

dĩ thất bảo vi thụ. dĩ chúng bảo vi lan thuần. dĩ Thiên tăng vi hoa cái.
Cõi ấy có cây bằng bảy báu, lang can cũng làm các thứ báu, có lụa trời làm phan lọng,

以名香而香之。無穢惡石沙瓦礫。

dĩ danh hương nhi hương chi. vô uế ác thạch sa ngõa lịch.
đủ các hương thơm, không có gói gạch các đá dơ bẩn

純以珠寶為萬物。剎中無有泥犁禽獸薜荔。

thuần dĩ châu bảo vi vạn vật. sát trung vô hữu nê lê cầm thú bộ 荔。
mà mọi vật đều làm bằng châu báu, trong nước không có súc sanh địa ngục

但有菩薩及天與人。譬如忉利天王所居宮。

đãn hữu Bồ Tát cập Thiên dữ nhân. thí như đao lợi Thiên Vương sở cư cung.
mà chỉ có Bồ-tát và trời người, như ở cung Đao-lợi cõi trời

爾時大眾及王阿闍菴歡喜踊躍皆言善哉善哉。

nhĩ thời Đại chúng cập Vương a xà thể hoan hi dũng dục giai ngôn Thiên tai
Thiên tai.

Lúc bấy giờ Đại chúng và Vua A-xà-thế đều hoan hỷ nói rằng: Hay thay, hay thay,
王阿闍菴正殿夫人。字旃羅盧(漢言月明照)。

Wương a xà thể chánh điện phu nhân. tự chiên la cấp(hán ngôn nguyệt minh
chiếu)。

phu nhân của vua A-xa-thế tên là Chiên-la-cấp (Hán dịch là Nguyệt-minh-chiếu)

於坐起叉手自嗟歎心。白佛言。既得為人難我復懷養。

ư tọa khởi xoa thủ tự ta thán tâm. bạch Phật ngôn. ký đắc vi nhân nan ngã phục
hoài dưỡng.

từ chỗ ngồi đứng dậy chắp tay tự khen ngợi trong tâm rồi bạch Phật rằng: Được
làm thân người là khó, con lại nuôi dưỡng

是菩薩益倍踊躍。

thị Bồ Tát ích bội dũng dục.

Bồ-tát này thì càng thêm vui mừng.

因是功德發心求阿耨多羅三耶三佛。發心立願。今佛授無愁憂菩薩慧。

nhân thị công đức phát tâm cầu a nậu đa-la tam da tam Phật. phát tâm lập
nguyện. kim Phật thụ vô sầu ưu Bồ Tát tuệ.

Do công đức này mà phát tâm cầu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nay Phật
thọ ký cho Bồ-tát Vô Sầu Ưu

却後當作佛劫盡。

khước hậu đương tác Phật kiếp tận.

về sau sẽ thành Phật,

願令我乘其第得作佛於彼剎土中。爾時佛知王婦月明心所願。

nguyện lệnh ngã thừa kỳ đệ đắc tác Phật ư bỉ sát độ trung. nhĩ thời Phật tri
Vương phụ nguyệt minh tâm sở nguyện.

con nguyện cũng được làm Phật nơi cõi kia. Lúc bấy giờ Phật biết tâm nguyện của
Nguyệt minh phu nhân

佛告舍利弗。見王婦月明不。舍利弗言。

Phật cáo Xá lợi Phất. kiến Vương phụ nguyệt minh bất. Xá lợi Phất ngôn.

và bảo Xá-lợi-phất: Ông thấy Nguyệt minh phu nhân chẳng? Xá-lợi-phất thưa:

見王婦月明。持是功德所作。當棄女人身得男子已。

kiến Vương phụ nguyệt minh. trì thị công đức sở tác. đương khí nữ nhân thân đắc nam tử dĩ.

Con thấy Nguyệt minh phu nhân. Phật dạy: Do phu nhân đã tạo công đức, nên sau khi xả bỏ thân nữ sẽ làm thân người nam,

當生忉利天上作天名寶第一。

đương sanh đao lợi Thiên thượng tác Thiên danh bảo đệ nhất. sẽ sanh về cõi trời Đao-lợi làm chủ thiên tên là Bảo đệ nhất,

彌勒佛來下有國王。名呵當為作太子。字終好。

Di lạc Phật lai hạ hữu Quốc Vương. danh ha đương vi tác Thái-Tử. tự chung hảo. đến lúc Di-lạc thành Phật thì sẽ hạ sanh nơi cõi nước vua Ha-đương, làm vị thái tử tên là Chung hảo

當供養彌勒盡壽命。却後當為彌勒作沙門。

đương cung dưỡng Di Lạc tận thọ mạng. khước hậu đương vi Di Lạc tác Sa Môn. sẽ cúng dường Phật Di-lạc cho đến khi mạng chung, sau đó theo Phật Di-lạc làm vị Sa-môn,

上法亦持中法亦持下法亦持。

thượng Pháp diệc trì trung Pháp diệc trì hạ Pháp diệc trì. thọ trì các pháp thượng trung hạ

總供養是鬘陀劫中怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

tổng cung dưỡng thị bạt đà kiếp trung đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật. cúng dường đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri nơi Hiền kiếp.

又行菩薩法。是離愁怛薩阿竭得作佛已。寶第一。

hựu hạnh Bồ Tát Pháp. thị lý sầu đát tát a kiệt đắc tác Phật dĩ. bảo đệ nhất. Lại thực hành pháp Bồ-tát xong thì thành Phật là Lý sầu Như. Bảo đệ nhất

當於是剎作遮迦越王。名寶豐。

đương ư thị sát tác già ca việt Vương. danh bảo phong. sẽ ở cõi nước ấy làm vua Già-ca-việt tên là Bảo phong,

當供養承事怛薩阿竭。盡形壽當承其佛第得作佛。

đương cung dưỡng thừa sự đát tát a kiệt. tận hình thọ đương thừa kỳ Phật đệ đắc tác Phật.

sẽ cúng dường phụng sự đức Như Lai, sau đó sẽ thành Phật

名普明怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

danh phổ minh đát tát a kiệt a la ha tam da tam Phật. hiệu là Phổ-Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác

當教授是無垢濁炎明剎土本剎故。

đương giáo thọ thị vô cấu trực viêm minh sát độ bản sát cố. sẽ giáo hóa cõi nước Vô Cấu Trực Viên,

事如離憂怛薩阿竭所治處等無有異。王婦月明。聞佛說是別。

sự như ly ưu đát tát a kiệt sở trì xử đẳng vô hữu dị. Vương phụ nguyệt minh văn Phật thuyết thị biệt.

như Lý sầu Như lai không có sai khác. Phu nhân Nguyệt minh nghe Phật thọ ký rồi益倍踊躍自嗟歎。

ích bội dưng được tự ta thán.
càng thêm vui mừng

其身以珠摩尼直百萬兩金用上佛。從王阿闍菟。求持五戒別治一處。

kỳ thân dĩ châu ma-ni trực bách vạn lượng kim dụng thượng Phật. tông Vương a ám thể. cầu trì ngũ giới biệt trì nhất xứ.

liền lấy hạt châu ma-ni trên thân giá trị trăm ngàn vạn lượng để dâng cúng đức Phật, rồi xin vua A-xa-thế ở riêng một nơi để thọ trì năm giới,

離婬欲之行。令一切皆修清淨。

ly dâm dục chi hạnh. lệnh nhất thiết giai tu thanh tịnh.
xa lìa dâm dục khiến tất cả đều thanh tịnh.

無愁憂菩薩。始從虛空中來下。叉手住佛前。

vô sầu ưu Bồ Tát. thủy tông hư không trung lai hạ. xoa thủ trụ Phật tiền.
Bồ-tát Vô Sầu Ưu từ hư không xuống đến trước Phật chấp tay thưa rằng:

願我作佛時令我剎中諸菩薩。自然化生長大法座。

nguyện ngã tác Phật thời lệnh ngã sát trung chu Bồ Tát. tự nhiên hóa sanh trường Đại Pháp tọa.

Nguyện khi con thành Phật, các Bồ-tát trong nước của con tự nhiên hóa sanh nơi Pháp tòa to lớn,

袈裟自然著身等無老少。如年二十之容色。

ca sa tự nhiên trú thân đẳng vô lão thiếu. như niên nhị thập chi dung sắc.
trên thân tự nhiên có ca-sa đắp, tất cả đều có dung mạo như người hai mươi tuổi không có già trẻ.

今自願身為沙門。自然被法衣。

kim tự nguyện thân vi Sa Môn. tự nhiên bị Pháp y.
Nay phát nguyện tự thân làm bậc Sa-môn đắp Pháp y.

尋時作彼示現。無愁憂菩薩白王。

tầm thời tác bỉ thị hiện. vô sầu ưu Bồ Tát bạch Vương.
Ngay khi ấy Vô Sầu Ưu thị hiện như nguyện, Bồ-tát Vô Sầu Ưu nói: Phụ vương,

法無堅固從空而立從空而坐。於念不念於中立意不散。

Pháp vô kiên cố tông không nhi lập tông không nhi tọa. u niệm bất niệm u trung lập ý bất tán.

pháp vốn không kiên cố, từ nơi không mà đứng, từ nơi không mà ngồi, đối với niệm và không niệm trong ấy lập ý không tán hoại

無所錄在所作為無所屬。王見是不。

vô sở lục tại sở tác vi vô sở chúc. Vương kiến thị bất.
không có chỗ ghi chép, chỗ làm không có phụ thuộc, vua thấy đùng không?

是一日之中我為女人變為男子形。復現比丘僧。

thị nhất nhật chi trung ngã vi nữ nhân biến vi nam tử hình. phục hiện bi khâu tăng.

trong ngày nay tôi là người nữ biến thành thân nam, lại hiện tướng Tỳ-kheo Tăng,

何者審為諦。是處餘處人身中有三毒。

hà giả thẫm vi đế. thị xứ dư xứ nhân thân trung hữu tam độc.
người nào xét rõ chỗ này hay chỗ kia trong thân người có tham sân si,

以三藥療焦盡諸毒。知是法故。大王不當作非法行。

dĩ tam dục liệu tiêu tận chư độc. tri thị Pháp cố. Đại Vương bắt đương tác phi Pháp hạnh.

rồi dùng ba thứ thuốc để tiêu diệt ba độc, đó là do biết pháp vậy. Đại vương không từng làm các việc phi pháp,

當數數詣佛。文殊師利童男菩薩。

đương số số nghệ Phật. Văn Thù Sư Lợi đồng nam Bồ Tát. mà nhiều lần đến chỗ Phật. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi

所能除人垢增益功德。度不度者。王國中多事欲去隨意。

sở năng trừ nhân cấu tăng ích công đức. độ bất độ giả. Vương quốc trung đa sự dục khứ tùy ý.

có thể trừ cấu uế cho người và làm tăng trưởng công đức, độ người khó độ, vua trong nước ấy rất nhiều việc muốn đi cũng được như ý.

佛告阿難。無愁憂菩薩受別解諦能持能說。

Phật cáo A Nan. vô sầu ưu Bồ Tát thọ biệt giải để năng trì năng thuyết. Phật bảo A-nan: Bồ-tát Vô Sầu Ưu đã hiểu rõ chân lý, có thể nắm giữ có thể thuyết giảng,

當為一切廣說經法。

đương vì nhất thiết quảng thuyết Kinh Pháp. sẽ vì tất cả mọi người mà rộng thuyết kinh pháp.

若有善男子善女人欲求佛道。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục cầu Phật đạo. Nếu có thiện nam tử thiện nữ nhơn muốn cầu Phật đạo,

正使是三千大千刹土持七寶滿其中。持施怛薩阿竭阿羅呵三耶三佛。

chánh sử thị tam thiên Đại Thiên sát độ trì thất bảo mãn kỳ trung. trì thí đất tát a kiệt a la ha tam da tam Phật.

giả sử đem bảy báu đầy cả ba ngàn đại thiên cõi nước dâng lên đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác,

不如聞是經信不誹謗其功德不可計。

bất như văn thị Kinh tín bất phi báng kỳ công đức bất khả kể. cũng không bằng nghe kinh này tin hiểu không hủy báng, công đức không thể tính đếm,

何況奉行盡形壽。供養繒華幢蓋旗幡。

hà huống phụng hạnh tận hình thọ. cung dưỡng tăng hoa tràng cái kỳ phiên. huống là phụng hạnh đến trọn đời, cúng dường hoa hương phan lọng

其功德無能計數者。諸比丘受教。無愁憂菩薩歡喜。

kỳ công đức vô năng kể số giả. chư bi khâu thọ giáo. vô sầu ưu Bồ Tát hoan hỷ. công đức ấy là không thể so lường. Các Tỳ-kheo nhận lãnh giáo pháp, Bồ-tát Vô Sầu Ưu hoan hỷ.

王阿闍菴。王婦月明。阿難尊比丘。

Vương a xà thế. Vương phụ nguyệt minh. A Nan tôn bi khâu. Vua A-xà-thế, phu nhân Nguyệt minh, Tôn giả A-nan,

一切大眾諸天龍神阿須倫。聞佛說經皆歡喜。前以頭面著地。

nhất thiết Đại chúng chư Thiên long Thần a tu luân. văn Phật thuyết Kinh giai hoan hỷ. tiền dĩ đầu diện trú địa.

tất cả Đại chúng, Trời, Rồng, A-tu-la, nghe Phật thuyết kinh đều hoan hỷ, cùng cúi xuống đất

為佛作禮而去。

vi Phật tác lễ nhi khứ.
làm lễ Phật rồi lui ra.

佛說阿闍菟王女阿術達菩薩經

Phật thuyết a xà thế Vương nữ A thuật đạt Bồ Tát Kinh
Phật Thuyết A-xà-thế Vương Nữ A-thuật-đạt Bồ-tát kinh.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 21: 50: 55 2006

=====